HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 53/NQ-HĐND	*Bình Dương, ngày 10 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
Về Danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Dương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 6111/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị thông qua Danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 72/BC-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Dương, cụ thể như sau:

1. Số lượng công trình, dự án thực hiện thu hồi đăng ký mới trong năm 2022 là 109 công trình, dự án với tổng diện tích là 286,63 ha.

(Phụ lục I kèm theo)

2. Đối với công trình, dự án được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết số 33/NQ-HDND ngày 14 tháng 9 năm 2021:

a) Chuyển tiếp thực hiện trong năm 2022 đối với 326 công trình, dự án theo hình thức thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa với tổng diện tích 1.723,65 ha. Trong đó:

- Chuyển tiếp thực hiện trong năm 2022 đối với 313 công trình, dự án không phải điều chỉnh theo hình thức thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa với tổng diện tích 1.635,48 ha *(Phụ lục II kèm theo)*. Cụ thể:

+ Công trình, dự án thực hiện theo hình thức thu hồi đất là 306 công trình, dự án với tổng diện tích 1.478,61 ha.

+ Công trình, dự án thực hiện theo hình thức chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là 07 công trình, dự án, với diện tích 156,87 ha.

- Chuyển tiếp thực hiện trong năm 2022 đối với 13 công trình, dự án có điều chỉnh về diện tích, vị trí với diện tích điều chỉnh là 88,17 ha.

(Phụ lục III kèm theo)

b) Không chuyển tiếp thực hiện trong năm 2021 và đưa ra khỏi danh mục 31 công trình, dự án với diện tích 119,12 ha.

(Phụ lục IV kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy; Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Công báo, Website, Báo, Đài PT-TH Bình Dương;
- Các phòng thuộc Văn phòng ĐĐBQH và HĐND tỉnh, App;
- Lưu: VT, Tuấn.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Phạm Văn Chánh

Phụ lục I

DANH MỤC CÔNG TRÌNH PHẢI THU HỒI ĐẤT THUỘC THẨM QUYỀN HĐND TỈNH TRONG NĂM 2022 ĐĂNG KÝ MỚI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường/thị trấn	Nguồn vốn	Pháp lý vốn
						Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
A	**CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT**		**109**	**289,50**	**2,87**	**286,63**					
I	**Thành phố Thủ Dầu Một**		**10**	**33,91**	**0,00**	**33,91**					
1	Xây dựng đường giao thông từ ngã 3 đường Nguyễn Tri Phương - Bùi Quốc Khánh ra sông Sài Gòn	UBND Tp Thủ Dầu Một	DGT	0,61		0,61	ODT+CLN	Công trình dạng tuyến	Chánh Nghĩa	Ngân sách	Quyết định số 482/QĐ/UBND ngày 28/1/2021 của UBND Tp Thủ Dầu Một
2	Nâng cấp, mở rộng đường An Mỹ - Phú Mỹ (từ đường ĐX026 đến đường ĐX 02)	UBND Tp Thủ Dầu Một	DGT	1,10		1,10	ODT+CLN	Công trình dạng tuyến	Phú Mỹ	Ngân sách	Quyết định số 482/QĐ/UBND ngày 28/1/2021 của UBND Tp Thủ Dầu Một
3	Công viên, hoa viên cây xanh đường ĐX 138	UBND phường Tân An	DKV	0,24		0,24	ODT+CLN	Tờ 17-5	Tân An	Ngân sách	Công văn số 328/UBND-VP ngày 05/2/2021 của UBND Tp Thủ Dầu Một
4	Văn phòng khu phố 1	UBND phường Tân An	DSH	0,05		0,05	CLN	Tờ 17-12	Tân An	Ngân sách	Công văn số 328/UBND-VP ngày 05/2/2021 của UBND Tp Thủ Dầu Một
5	Trục thoát nước suối Giữa (đoạn từ sau trạm thu phí đến cầu Bà Cô, bao gồm cả rạch Bưng Cầu)	Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh	DTL	24,30		24,30	ODT+CLN	Công trình dạng tuyến	Định Hòa, Hiệp An, Tương Bình Hiệp, Chánh Mỹ	Ngân sách	Quyết định số 1068/QĐ- UBND ngày 26/4/2021 của UBND tỉnh
6	Đầu tư giải quyết điểm ngập lưu vực rạch Ông Đành (từ Đại lộ Bình Dương đến sông Sài Gòn)	Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh	DTL	0,62		0,62	ODT+CLN	Công trình dạng tuyến	Hiệp Thành	Ngân sách	Quyết định số 613/QĐ- UBND ngày 5/3/2021 của UBND tỉnh
7	Trạm 110kV Định Hòa và đường dây đấu nối	Công ty Điện lực Bình Dương	DTL	0,60		0,60	ODT+CLN	Công trình dạng tuyến	Định Hòa, Hòa Phú	Doanh nghiệp	Quyết định số 326/QĐ- BCT ngày 3/2/2017 của Bộ Công thương
8	Mạch 2 đường dây 110kV Thuận An - Gò Đậu	Công ty Điện lực Bình Dương	DTL	0,20		0,20	ODT+CLN	Công trình dạng tuyến	Phú Thọ, Phú Hòa	Doanh nghiệp	Công văn số 9750/BCT-ĐL ngày 18/12/2020 của của Bộ Công thương.
9	Công viên trước khu vực trường Chính Trị (Dự án bồi thường, di chuyển mồ mả trước trường chính trị tỉnh Bình Dương)	UBND Tp Thủ Dầu Một	DKV	0,74		0,74	NTD	1 phần thửa 38, 39 tờ 38	Chánh Nghĩa	Ngân sách	Quyết định số 482/QĐ/UBND ngày 28/1/2021 của UBND Tp Thủ Dầu Một

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường/thị trấn	Nguồn vốn	Pháp lý vốn
						Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
10	Bảo tồn làng nghề sơn mài Tương Bình Hiệp	UBND Tp Thủ Dầu Một	DVH	5,45		5,45	BHK	thửa 55, tờ 52	Tương Bình Hiệp	Ngân sách	Văn bản số 3707/UBND -KT ngày 25/8/2017, Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 của UBND tỉnh
II	**Thành phố Thuận An**		**4**	**3,18**		**3,18**					
1	Trường Tiểu học Lái Thiêu 2 (Trường TH Trần Quốc Toản)	UBND Thành phố Thuận An	DGD	1,43		1,43	CLN	thửa 515, 516, 517, 518, 385,519,514,512 tờ 19(3)	Phường Lái Thiêu	Ngân sách	Quyết định số 3897/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh
2	Trường Mẫu giáo Hoa Cúc 2	UBND Thành phố Thuận An	DGD	0,40		0,40	CLN	thửa 530,705,516,529 tờ 5	Phường Bình Nhâm	Ngân sách	Quyết định số 3897/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh
3	Đường dây 220kV Tân Sơn Nhất - Thuận An	Tổng Công ty Điện lực Miền nam	DNL	1,00		1,00	CLN	Công trình dạng tuyến	Phường Bình Hòa, Vĩnh Phú	Doanh nghiệp	Công văn số 3449/UBND-KT ngày 10/8/2017 của UBND tỉnh
4	Mạch 2 đường dây 110kV Thuận An - Gò Đậu	Tổng công ty Điện lực Miền nam	DNL	0,35		0,35	CLN	Công trình dạng tuyến	Phường Bình Hòa, Thuận Giao	Doanh nghiệp	Công văn số 9750/BCT-ĐL ngày 18/12/2020 của Bộ Công thương
III	**Thành phố Dĩ An**		**4**	**1,73**	**0,00**	**1,73**					
1	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Huy Ích, một phần đường số 7 và một phần đường số 12, phường Dĩ An	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Dĩ An	DGT	0,38		0,38	HNK, CLN, SKC, ODT..	Công trình dạng tuyến	Dĩ An	Ngân sách	Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 của UBND thành phố Dĩ An
2	Tuyến D9 (từ Lê Văn Mầm đến Nguyễn Thị Minh Khai)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Dĩ An	DGT	0,40		0,40	HNK, CLN, SKC, ODT..	Công trình dạng tuyến	Tân Đông Hiệp	Ngân sách	Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 của UBND thành phố Dĩ An
3	Trạm biến áp 110kV Bình Thung và nhánh rẽ đấu nối	Công ty Điện lực Bình Dương	DNL	0,45		0,45	SKX	Công trình dạng tuyến	Bình An	Doanh nghiệp	Quyết định số 326/QĐ-BCT ngày 03/02/2017 của Bộ Công thương
4	Trạm 110kV Tân Bình và đường dây đấu nối	Công ty Điện lực Bình Dương	DNL	0,50		0,50	HNK	Công trình dạng tuyến	Tân Bình	Doanh nghiệp	Quyết định số 326/QĐ-BCT ngày 03/02/2017 của Bộ Công thương
IV	**Thị xã Tân Uyên**		**8**	**9,05**	**1,37**	**7,68**					
1	Nâng cấp bê tông nhựa nóng và bê tông nhựa nóng hệ thống thoát nước tuyến đường Uyên Hưng 24 (đoạn từ đất ông Bình đến giáp đường Uyên Hưng 27), phường Uyên Hưng	UBND Thị xã Tân Uyên	DGT	1,02	0,57	0,45	CLN	Công trình dạng tuyến	Uyên Hưng	Ngân sách	Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND thị xã Tân Uyên

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường/thị trấn	Nguồn vốn	Pháp lý vốn
						Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
2	Công viên 2 Văn phòng khu phố	UBND phường Thạnh Phước	DKV	0,80		0,80	Thạnh Phước	1P thửa 307, 266 tờ số 3; thửa 302, 303 tờ số 7; thửa 145 tờ 15	Thạnh Phước	Ngân sách	Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND thị xã Tân Uyên
3	Xây dựng hệ thống thoát nước dọc tuyến GTĐT Đồi 16 (từ đất bà Võ Thị Sử đến nhà ông Trương Tuấn Kiệt)	UBND phường Thạnh Phước	DGT	0,45		0,45	Thạnh Phước	tờ 1, 2	Thành Phước	Ngân sách	Quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 21/9/2020 và Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND thị xã Tân Uyên
4	Nâng cấp BTNN và XD hệ thống thoát nước tuyến đường Lê Qúy Đôn (ĐH 421), phường Uyên Hưng	UBND Thị xã Tân Uyên	DGT	1,33	0,80	0,53	CLN	Công trình dạng tuyến	Uyên Hưng	Ngân sách	Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND thị xã Tân Uyên
5	Đường dây đấu nối 220kV Trạm biến áp 500kV Bình Dương 1 - rẽ Uyên Hưng - Sông Mây	Tổng công ty Điện lực Miền Nam	DNL	0,40		0,40	CLN	Công trình dạng tuyến	Uyên Hưng	Doanh nghiệp	Quyết định số 326/QĐ- BCT ngày 3/2/2017 của Bộ Công thương
6	Trường Trung học cơ sở Hội Nghĩa	UBND Thị xã Tân Uyên	DGD	2,64		2,64	CLN	Thửa số 57, tờ 7	Hội Nghĩa	Ngân sách	Quyết định số 3897/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh
7	Trường Tiểu học Tân Vĩnh Hiệp B	UBND Thị xã Tân Uyên	DGD	1,33		1,33	CLN	Thửa số 568, 648, 611 tờ 25	Tân Vĩnh Hiệp	Ngân sách	Quyết định số 3897/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND tỉnh
8	Trụ sở làm việc của UBND phường Phú Chánh	UBND Thị xã Tân Uyên	TSC	1,08		1,08	CLN	Thửa số 249,250,261,1263, tờ 11	Phú Chánh	Ngân sách	Nghị quyết số 215/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 của HĐND thị xã Tân Uyên
V	**Thị xã Bến Cát**		**26**	**74,47**	**1,50**	**72,97**					
1	Trường tiểu học An Sơn	UBND Thị xã Bến Cát	DGD	1,02		1,02	CLN	Thửa số 43; một phần thửa số 60, 1280, 1287, 1288, 1289, 1290.	An Điền	Ngân sách	Quyết định số 1350/QĐ-UBND ngày 17/08/2021 của UBND thị xã Bến Cát
2	Công trình Nâng cấp bê tông nhựa nóng (BTNN) tuyến đường từ nhà Ông 3 Dây đến Công ty Hoàng Tường Hưng	UBND Thị xã Bến Cát	DGT	0,09		0,09	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND thị xã Bến Cát
3	Nâng cấp BTNN tuyến đường từ chùa Hưng Tân Tự đến nhà ông Kim	UBND Thị xã Bến Cát	DGT	0,03		0,03	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND thị xã Bến Cát
4	Nâng cấp BTNN tuyến đường từ nhà ông 5 Mắm đến nhà ông Út Mái	UBND Thị xã Bến Cát	DGT	0,02		0,02	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND thị xã Bến Cát
5	Nâng cấp BTNN tuyến đường ĐH601 bà Ánh đến 8 Bé và nhánh rẽ ra Mỹ phước-Tân vạn.	UBND Thị xã Bến Cát	DGT	0,07		0,07	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 01/4/2021 của UBND thị xã Bến Cát

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường/thị trấn	Nguồn vốn	Pháp lý vốn
						Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
6	Nâng cấp tuyến đường từ nhà ông 9 luôi đến nhà ông 2 Tâm	UBND phường Tân Định	DGT	0,04		0,04	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND phường Tân Định
7	Nâng cấp tuyến đường từ nhà bà Đẹp đến nhà ông 3 Dách	UBND phường Tân Định	DGT	0,02		0,02	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Quyết định số 683/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND phường Tân Định
8	Nâng cấp tuyến đường từ nhà ông 3 Ly đến nhà ông Minh	UBND phường Tân Định	DGT	0,05		0,05	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND phường Tân Định
9	Nâng cấp tuyến đường từ nhà ông Út Nơ đến bà Hương	UBND phường Tân Định	DGT	0,02		0,02	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND phường Tân Định
10	Nâng cấp tuyến đường từ nhà ông Út Nơ đến nhà ông Nga	UBND phường Tân Định	DGT	0,09		0,09	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND thị xã Bến Cát
11	Nâng cấp BTNN tuyến đường từ QL13 (5 Dân) đến nhà ông 2 Công	UBND phường Tân Định	DGT	0,01		0,01	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND phường Tân Định
12	Nâng cấp BTNN tuyến đường từ nhà cô Hoàng đến ông 6 Đô	UBND phường Tân Định	DGT	0,02		0,02	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND phường Tân Định
13	Nâng cấp BTNN tuyến đường từ văn phòng kp3 đến đất bà Thanh	UBND phường Tân Định	DGT	0,03		0,03	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND phường Tân Định
14	Nâng cấp BTNN tuyến đường từ công ty Phước Thuận đến ông Út Ty	UBND phường Tân Định	DGT	0,05		0,05	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND phường Tân Định
15	Trạm biến áp 220kV Tân Định 2 và đấu nối	Công ty Điện lực Bình Dương	DNL	2,60		2,60	CLN	Công trình dạng tuyến	Chánh Phú Hòa	Doanh nghiệp	Văn bản số 9366/SPMB-PĐB ngày 16/8/2021 của Ban Quản lý Dự án các công trình điện Miền Nam
16	Nâng công suất nhà máy xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương (tăng thêm 420 tấn/ngày đêm)	Công ty Cổ phần nước Môi trường Bình Dương	DRA	0,15		0,15	CLN		Chánh Phú Hòa	Ngân sách	Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh
17	Dự án mở Nghĩa trang liệt sĩ thị xã Bến Cát	UBND Thị xã Bến Cát	NTD	2,60	1,50	1,10	CLN	Tờ số 9	Mỹ Phước	Ngân sách	Quyết định số 2822/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND thị xã Bến Cát
18	Nghĩa trang nhân dân thị xã Bến Cát	UBND Thị xã Bến Cát	NTD	7,20		7,20	CLN	Thửa 149, 1PT152, tờ 3	An Điền	Ngân sách	Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 16/9/2021 của UBND thị xã Bến Cát

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường/thị trấn	Nguồn vốn	Pháp lý vốn
						Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
19	Hệ thống thoát nước trên ĐT.744 đoạn qua xã An Tây, xã Phú An	Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng công trình giao thông	DGT	1,30		1,30	CLN	Công trình dạng tuyến	An Tây, Phú An	Ngân sách	Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của UBND tỉnh
20	Nâng cấp BT xi măng tuyến đường bà Vân Em - Hồ Minh Nhưng, Kp4	UBND phường Thới Hòa	DGT	0,10		0,10	CLN	Công trình dạng tuyến	Thới Hòa	Ngân sách	Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND phường Thới Hòa
21	Nâng cấp BT xi măng tuyến đường 6 Sợi - Trần Văn Tạo, Kp4	UBND phường Thới Hòa	DGT	0,10		0,10	CLN	Công trình dạng tuyến	Thới Hòa	Ngân sách	Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND phường Thới Hòa
22	Nâng cấp BT xi măng tuyến đường QL 13 (Hòa) - Trần Thanh Phong, Kp3B	UBND phường Thới Hòa	DGT	0,10		0,10	CLN	Công trình dạng tuyến	Thới Hòa	Ngân sách	Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND phường Thới Hòa
23	Nâng cấp BT xi măng tuyến đường bà Lằng - ông Thanh, Kp3A	UBND phường Thới Hòa	DGT	0,10		0,10	CLN	Công trình dạng tuyến	Thới Hòa	Ngân sách	Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND phường Thới Hòa
24	Nâng cấp BTNN tuyến đường QL 13 - 7 Cợt, Kp3B	UBND phường Thới Hòa	DGT	0,10		0,10	CLN	Công trình dạng tuyến	Thới Hòa	Ngân sách	Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND phường Thới Hòa
25	Nâng cấp BTNN tuyến đường H26 - 5 Đức, Kp4	UBND phường Thới Hòa	DGT	0,10		0,10	CLN	Công trình dạng tuyến	Thới Hòa	Ngân sách	Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND phường Thới Hòa
26	Đường Vành đai 4	Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng công trình giao thông	DGT	58,46		58,46	CLN, CHN, ONT…	Công trình dạng tuyến	An Điền, An Tây	Ngân sách	Công văn số 1263/TTg-CN ngày 19/9/2021 của Thủ tướng chính phủ
VI	**Huyện Dầu Tiếng**		**26**	**40,02**	**0,00**	**40,02**					
1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT749A đoạn qua trung tâm xã Long Hòa	UBND huyện Dầu Tiếng	DGT	8,3		8,3	CLN	Công trình dạng tuyến	Long Hòa	Ngân sách	Quyết định số 1350/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 UNBD tỉnh
2	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH704 (đoạn qua trung tâm xã Minh Tân)	UBND huyện Dầu Tiếng	DGT	6,61		6,61	CLN	Công trình dạng tuyến	Thanh An và Định Hiệp	Ngân sách	Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 03/07/2020 của UBND huyện Dầu Tiếng
3	Đầu tư nâng cấp, mở rộng, mở mới tuyến đường GTNT ấp Hố Cạn (đoạn từ Nhà ông 4 Cấm đến đất bà Trọng) với chiều dài khoảng 500m	UBND xã An Lập	DGT	0,3		0,3	CLN	Công trình dạng tuyến	An Lập	Ngân sách	Nghị quyết số 16/NQ-HĐNDngày 31/8/2021 của HĐND xã An Lập

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường/thị trấn	Nguồn vốn	Pháp lý vốn
						Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
4	Đầu tư tuyến đường vào trạm thông tin núi Ông	UBND huyện Dầu Tiếng	DGT	0,71		0,71	CLN	Công trình dạng tuyến	Định Thành	Ngân sách	Công văn số 4261/UNBD-KT ngày 28/8/2021 của UBND tỉnh
5	Hẻm 134/20/21, đường Lê Hồng Phong	UBND TT Dầu Tiếng	DGT	0,02		0,02	CLN	Công trình dạng tuyến	TT Dầu Tiếng	Ngân sách	Nghị quyết số 16/NQ-HĐNDngày 27/8/2021 của HĐND thị trấn Dầu Tiếng
6	Hẻm 134/28/2, đường Lê Hồng Phong	UBND TT Dầu Tiếng	DGT	0,03		0,03	CLN	Công trình dạng tuyến	TT Dầu Tiếng	Ngân sách	Nghị quyết số 16/NQ-HĐNDngày 27/8/2021 của HĐND thị trấn Dầu Tiếng
7	Hẻm 119 đường Lê Hồng Phong	UBND TT Dầu Tiếng	DGT	0,02		0,02	CLN	Công trình dạng tuyến	TT Dầu Tiếng	Ngân sách	Nghị quyết số 16/NQ-HĐNDngày 27/8/2021 của HĐND thị trấn Dầu Tiếng
8	Nâng cấp Bê tông nhựa đường GTNT (từ ĐT 749D đến nhà ông Nguyên) ấp Vũng Tây, xã Long Tân	UBND xã Long Tân	DGT	0,31		0,31	CLN	Công trình dạng tuyến	Long Tân	Ngân sách	Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 6/9/2021 của UBND xã Long Tân
9	Nâng cấp Bê tông nhựa đường GTNT (từ ĐT749A đến lô 27) ấp Long Chiểu, xã Long Tân	UBND xã Long Tân	DGT	0,48		0,48	CLN	Công trình dạng tuyến	Long Tân	Ngân sách	Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 6/9/2021 của UBND xã Long Tân
10	Nâng cấp Bê tông nhựa đường GTNT (từ ĐT 749A đến nhà bà Hoàng) ấp Cống Quẹo, xã Long Tân	UBND xã Long Tân	DGT	0,26		0,26	CLN	Công trình dạng tuyến	Long Tân	Ngân sách	Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 6/9/2021 của UBND xã Long Tân
11	Nâng cấp Bê tông nhựa đường GTNT (từ ĐT 749A đến nhà ông Thành) ấp Cống Quẹo, xã Long Tân	UBND xã Long Tân	DGT	0,14		0,14	CLN	Công trình dạng tuyến	Long Tân	Ngân sách	Quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 6/9/2021 của UBND xã Long Tân
12	Nâng cấp sỏi đỏ đường GTNT (từ ĐT 749D đến đất ông Tiền) ấp Hóc Măng, xã Long Tân	UBND xã Long Tân	DGT	0,5		0,5	CLN	Công trình dạng tuyến	Long Tân	Ngân sách	Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 5/11/2021 của UBND xã Long Tân
13	Nâng cấp sỏi đỏ đường GTNT (từ đất ông Sơn đến giáp ranh đường Hồ Chí Minh) ấp Cống Quẹo, xã Long Tân	UBND xã Long Tân	DGT	0,85		0,85	CLN	Công trình dạng tuyến	Long Tân	Ngân sách	Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 5/11/2021 của UBND xã Long Tân
14	Xây dựng hạ lưu cống thoát nước đường Ngô Quyền	UBND huyện Dầu Tiếng	DGT	0,16		0,16	CLN	Công trình dạng tuyến	TT Dầu Tiếng	Ngân sách	Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của UBND huyện Dầu Tiếng
15	Cải tạo điểm đen đường Cách Mạng Tháng Tám	UBND huyện Dầu Tiếng	DGT	0,08		0,08	CLN	Công trình dạng tuyến	TT Dầu Tiếng	Ngân sách	Quyết định số 941/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của UBND huyện Dầu Tiếng

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường/thị trấn	Nguồn vốn	Pháp lý vốn
						Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
16	Nâng cấp, mở rộng đường vào Khu du lịch Lòng Hồ Dầu Tiếng	Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh	DGT	11,37		11,37	CLN	Công trình dạng tuyến	Định Thành	Ngân sách	Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 16/7/2020 UNBD tỉnh
17	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT744 (đoạn từ Km24+460 đến ngã tư Cầu Cát)	Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh	DGT	1		1	CLN	Công trình dạng tuyến	Thanh Tuyền; Thanh An; TT Dầu Tiếng	Ngân sách	Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 25/6/2020 và Quyết định số 2007/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh
18	Nâng cấp, mở rộng làm mới thông tuyến từ Định Thành 11 đến Định Thành 13	UBND xã Định Thành	DGT	0,4		0,4	CLN	Công trình dạng tuyến	Định Thành	Ngân sách	UBND xã sử dụng vốn sự nghiệp
19	Đầu tư nâng cấp, mở rộng, mở mới tuyến đường GTNT ấp Phú Bình (đoạn từ Nhà Ông Sang đến nhà Bà Ngợi)	UBND xã An Lập	DGT	0,2		0,2	CLN	Công trình dạng tuyến	An Lập	Ngân sách	UBND xã sử dụng vốn sự nghiệp
20	Đầu tư nâng cấp, mở rộng, mở mới tuyến đường GTNT ấp Đất Đỏ (đoạn từ ĐT 748 đến nhà ông 3 Lưới)	UBND xã An Lập	DGT	0,2		0,2	CLN	Công trình dạng tuyến	An Lập	Ngân sách	UBND xã sử dụng vốn sự nghiệp
21	Đầu tư nâng cấp, mở rộng, mở mới tuyến đường GTNT ấp Hố Cạn (đoạn từ Nhà bà 5 Đắng đến sông Thị Tính)	UBND xã An Lập	DGT	0,3		0,3	CLN	Công trình dạng tuyến	An Lập	Ngân sách	UBND xã sử dụng vốn sự nghiệp
22	Đầu tư nâng cấp đường GTNT ĐX6 xã An Lập (đoạn từ ĐT748 lô 57, 58 Nông trường cao su An Lập) và tuyến cống thoát nước ĐX6 ra cống Hố Cạn của công ty TNHH TM Nam An Bình Dương)	UBND xã An Lập	DGT	1		1	CLN	Công trình dạng tuyến	An Lập	Ngân sách	Văn bản số 777/VP-PCKT ngày 25/6/2021 của UBND huyện Dầu Tiếng
23	Hệ thống xử lý nước thải thị trấn Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	DTL	1,71		1,71	CLN	tờ 30	TT Dầu Tiếng	Ngân sách	Quyết định số 726/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 của UBND huyện Dầu Tiếng
24	Mở rộng chợ An Lập	UBND huyện Dầu Tiếng	DCH	2,05		2,05	CLN	tờ 32	An Lập	Ngân sách	Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 21/1/2021 UNBD huyện Dầu Tiếng
25	Mở rộng Trung tâm Y tế huyện Dầu Tiếng	Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh	DYT	2,31		2,31	CLN	tờ 13	TT Dầu Tiếng	Ngân sách	Quyết định số 3289/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 UBND tỉnh

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường/thị trấn	Nguồn vốn	Pháp lý vốn
						Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
26	Xây dựng Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự Xã Định An	UBND huyện Dầu Tiếng	TSC	0,71		0,71	CLN	tờ 49	Định An	Ngân sách	Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 UBND huyện Dầu Tiếng
VII	**Huyện Phú Giáo**		**5**	**1,94**	**0,00**	**1,94**					
1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 514	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Phú Giáo	DGT	0,4		0,4	CLN	Thửa 18, tờ 30; thửa 11, tờ 31	Phước Hòa	Ngân sách	Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 18/9/2018 của UBND huyện Phú Giáo
2	Công viên xã Phước Hòa	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Phú Giáo	DKV	0,23		0,23	CLN	Thửa 362, tờ 12	Phước Hòa	Ngân sách	Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của UBND tỉnh
3	Trường mầm non xã An Thái (điểm mới)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Phú Giáo	DGD	0,91		0,91	CLN	Thửa 148, tờ 6	An Thái	Ngân sách	Quyết định số 2198/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh
4	Nâng cấp, mở rộng đường Kim Đồng	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Phú Giáo	DGT	0,08		0,08	CLN	Công trình dạng tuyến	Phước Vĩnh	Ngân sách	Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND huyện Phú Giáo
5	Mở rộng trường THCS Trần Hưng Đạo	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Phú Giáo	DGD	0,32		0,32	CLN	1p thửa 8, tờ 37	Phước Vĩnh	Ngân sách	Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND huyện Phú Giáo
VIII	**Huyện Bàu Bàng**		**13**	**24,98**	**0,00**	**24,98**					
1	Trạm biến áp 220kV Lai Uyên và đường dây đấu nối	UBND huyện Bàu Bàng	DNL	5,59		5,59	CLN	Công trình dạng tuyến	Lai Uyên	Doanh nghiệp	Văn bản số 4261/UBND-KT ngày 31/8/2020 của UBND tỉnh
2	TBA 220kV Bến Cát 2 và đấu nối và Đường dây 220kV Chơn Thành - Bến Cát 2	UBND huyện Bàu Bàng	DNL	0,90		0,90	CLN	Công trình dạng tuyến	Lai Hưng, Lai Uyên, Long Nguyên	Doanh nghiệp	Văn bản số 3189/UBND-KTN ngày 02/07/2019 của UBND tỉnh
3	Văn phòng ấp Long Thành (Trường mầm non Sao Mai)	UBND huyện Bàu Bàng	DSH	0,41		0,41	CLN	Thửa 46, tờ 07	Long Nguyên	Ngân sách	Thu hồi đất công ty cao su MTV Dầu Tiếng
4	Đường Tân Hưng 63 (đường liên ấp 2,3,4)	UBND huyện Bàu Bàng	DGT	0,10		0,10	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Hưng	Ngân sách	
5	Tuyến đường giao thông nông thôn ông Hoàng - cầu Bến Than	UBND huyện Bàu Bàng	DGT	1,50		1,50	CLN	tờ 19, 20	Cây Trường II	Ngân sách	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 24/9/2021 của HĐND huyện Bàu Bàng
6	4 tuyến đường giao thông và hồ bơi	UBND huyện Bàu Bàng	DGT, DTT	3,07		3,07	CLN	Công trình dạng tuyến	Lai Hưng	Ngân sách	Thu hồi đất của Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam
7	Các tuyến đường lô thuộc nông trường cao su Long Nguyên	UBND huyện Bàu Bàng	DGT	10,00		10,00	CLN	Công trình dạng tuyến	Long Nguyên	Ngân sách	Thu hồi đất của công ty TNHH MTV cao su Dầu Tiếng

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường/thị trấn	Nguồn vốn	Pháp lý vốn
						Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
8	Trường mầm non Ánh Dương	UBND huyện Bàu Bàng	DGD	1,71		1,71	CLN	Tờ 54	Lai Uyên	Ngân sách	Công trình đã xây dựng và đi vào hoạt động; Thu hồi đất của Becamex
9	Doanh trại Trung đội dân quân thường trực huyện Bàu Bàng	UBND huyện Bàu Bàng	TSC	0,50		0,50	CLN	KCN và đô thị Bàu Bàng	Lai Uyên	Ngân sách	Thuộc KCN và đô thị Bàu Bàng
10	Văn phòng ấp 2	UBND huyện Bàu Bàng	DSH	0,30		0,30	CLN	1 phần thửa 33, tờ 15	Hưng Hòa	Ngân sách	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 24/9/2021 của HĐND huyện Bàu Bàng
11	Văn phòng ấp 2	UBND huyện Bàu Bàng	DSH	0,30		0,30	CLN	1 phần thửa 5, tờ 28	Tân Hưng	Ngân sách	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 24/9/2021 của HĐND huyện Bàu Bàng
12	Văn phòng ấp 3	UBND huyện Bàu Bàng	DSH	0,30		0,30	CLN	1 phần thửa 126, tờ 25	Tân Hưng	Ngân sách	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 24/9/2021 của HĐND huyện Bàu Bàng
13	Văn phòng ấp 4	UBND huyện Bàu Bàng	DSH	0,30		0,30	CLN	1 phần thửa 5, tờ 26	Tân Hưng	Ngân sách	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 24/9/2021 của HĐND huyện Bàu Bàng
IX	**Huyện Bắc Tân Uyên**		**13**	**100,22**	**0,00**	**100,22**					
1	Nâng cấp BTXM đường Tân Thành 15, Tân Thành 22, Tân Thành 44, Tân Thành 13	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bắc Tân Uyên	DGT	0,20		0,20	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Thành	Ngân sách	Thông báo số 130-TB/HU ngày 19/7/2021 của Huyện ủy Bắc Tân Uyên
2	Nâng cấp BTXM đường Tân Lập 07, Tân Lập 14, Tân Lập 28	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bắc Tân Uyên	DGT	0,3		0,3	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Lập	Ngân sách	Thông báo số 130-TB/HU ngày 19/7/2021 của Huyện ủy Bắc Tân Uyên
3	Chuyển đổi công năng hồ Đá Bàn	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	DTL	79,27		79,27	CLN	Tờ bản đồ số 23, 28, 29, 36 thị trấn Tân Thành; tờ bản đồ số 29, 36, 01 xã Đất Cuốc và tại các trạm hiện hữu dọc theo các tuyến kênh tưới tại các xã Thường Tân, Tân Mỹ, Lạc An	Tân Thành, Đất Cuốc, Lạc An, Thường Tân, Tân Mỹ	Ngân sách	Công văn số 4576/UBND-KT ngày 11/9/2019 về việc chuyển đổi công năng hồ Đá Bàn, huyện Bắc Tân Uyên
4	Hạng mục mương thoát nước thuộc công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.415 (đoạn từ giáp ĐH.411 đến hồ Đá Bàn)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bắc Tân Uyên	DGT	0,01		0,01	CLN	Một phần thửa đất số 59, tờ 36	Đất Cuốc	Ngân sách	Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên

STT	Hạng mục	Chủ đầu tư	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường/thị trấn	Nguồn vốn	Pháp lý vốn
						Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
5	Trường mầm non Sơn Ca	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bắc Tân Uyên	DGD	1,66		1,66	CLN	Một phần thửa đất số 88, tờ 47	Tân Định	Ngân sách	Quyết định số 3286/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên
6	Trường mầm non Bông Trang	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bắc Tân Uyên	DGD	1,30		1,30	CLN	Một phần thửa đất số 65, tờ 12	Tân Bình	Ngân sách	Quyết định số 3811/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 3286/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên
7	Trạm 110kV Bình Mỹ và đường dây đấu nối	Công ty Điện lực Bình Dương	DNL	0,53		0,53	CLN	Công trình dạng tuyến	Bình Mỹ	Doanh nghiệp	- Văn bản số 4443/PCBD-KHVT ngày 6/9/2021 của Công ty điện lực BD. -Quyết định số 326/QĐ-BCT ngày 03/02/2017 của Bộ Công thương
8	Lộ ra 110kV trạm 220kV Bình Mỹ	Công ty Điện lực Bình Dương	DNL	0,20		0,20	CLN	Công trình dạng tuyến	Bình Mỹ	Doanh nghiệp	- Văn bản số 4443/PCBD-KHVT ngày 6/9/2021 của Công ty điện lực BD. '-Quyết định số 326/QĐ-BCT ngày 03/02/2017 của Bộ Công thương
9	Xây dựng công viên Thị trấn Tân Thành (trường Hoa Phong Lan cũ)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bắc Tân Uyên	DVH	0,13		0,13	DGD	Một phần thửa đất 170, tờ 7	Tân Thành	Ngân sách	Thông báo số 130-TB/HU ngày 19/7/2021 của Huyện ủy Bắc Tân Uyên
10	Đường dây 500kV Bình Dương 1 - rẽ Sông Mây - Tân Định	Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	DNL	2,88		2,88	CLN	công trình dạng tuyến	Tân Mỹ, Tân Thành, Tân Định, Đất Cuốc, Lạc An	Doanh nghiệp	Văn bản số 1562/UBND-KT ngày 01/4/2020 của UBND tỉnh
11	Đường dây đấu nối 220kV Trạm biến áp 500kV Bình Dương 1 - rẽ Uyên Hưng - Sông Mây	Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	DNL	2,60		2,60	CLN	công trình dạng tuyến	Tân Định, Bình Mỹ, Tân Lập	Doanh nghiệp	Văn bản số 1562/UBND-KT ngày 01/4/2020 của UBND tỉnh
12	Trạm biến áp 220kV Tân Định 2 và đấu nối	Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	DNL	6,40		6,40	CLN	tờ 24, 25	Tân Bình	Doanh nghiệp	Văn bản số 4837/UBND-KT ngày 01/10/2020 của UBND tỉnh
13	Trạm biến áp 220kV Bình Mỹ và đường dây đấu nối	Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	DNL	4,74		4,74	CLN	Các thửa đất thuộc tờ 75	Bình Mỹ	Doanh nghiệp	Văn bản số 2146/UBND-KT ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh
B	**CÔNG TRÌNH CMĐ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT LÚA**										
	TỔNG (A+B)		**109**	**289,50**	**2,87**	**286,63**		-			

Phụ lục II

DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHUYỂN TIẾP (KHÔNG ĐIỀU CHỈNH QUY MÔ)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường			
A	**CÔNG TRÌNH CHƯA QUÁ 3 NĂM**	**240**	**966,08**	**140,93**	**805,58**						
A.1	**CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT**	**235**	**772,64**	**140,93**	**652,47**						
I	**Thành phố Thủ Dầu Một**	**25**	**119,14**	**9,30**	**109,84**						
1	Cải tạo, mở rộng Đại Lộ Bình Dương (Quốc Lộ 13) [Tên khác: Giải phóng mặt bằng QL 13 (đoạn từ nút giao Tự Do đến ngã tư Lê Hồng Phong)]	DGT	1,32		1,32	ODT+CLN	Công trình dạng tuyến	Phú Hòa	Doanh nghiệp	Năm 2020	
2	Khu dân cư Võ Minh Đức	ODT	19,7	9,3	10,4	CLN+HNK	tờ 60	Chánh Nghĩa	Doanh nghiệp	Năm 2020	
3	Dự án giải phóng mặt bằng trục thoát nước Bưng bịp - Suối Cát	DTL	19		19	ODT, CLN	tờ 35; 35-1; 40; 40-2; 43; 48; 51; 52; 56; 57; 60; 63; 64; 65; 66; 69; 70	Phú Hòa	Ngân sách	Năm 2020	
4	Đầu tư giải quyết điểm ngập đoạn ngã 3 cổng đường Thích Quảng Đức (từ ngã 3 Cổng đến cầu bà Hên)	DTL	0,13		0,13	ODT+CLN	Công trình dạng tuyến	Phú Cường	Ngân sách	Năm 2020	
5	Dự án gia cố khu sạt lở KDC Huỳnh Long	DTL	0,89		0,89	ODT+CLN	Công trình dạng tuyến	Tương Bình Hiệp	Ngân sách	Năm 2020	
6	Khu đô thị sinh thái Chánh Mỹ (giai đoạn 2) Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và Đô thị	ODT	47,58		47,58	ODT, CLN, HNK	tờ 89; 90; 91; 94	Chánh Mỹ	Doanh nghiệp	Năm 2020	
7	Khu vực Thành ủy - Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (cũ)	ODT	0,01		0,01	TIN	Các thửa đất thuộc tờ 56, 63, 63-1, 66, 63-2, 66	Hiệp Thành	Ngân sách	Năm 2021	
8	Thay dây dẫn đường dây 110kV Tân Định - Gò Đậu (phát sinh thu hồi đất trụ móng)	DNL	0,05		0,05	CLN	Công trình dạng tuyến	Phú Thọ, Chánh Nghĩa	Doanh nghiệp	Năm 2020	
9	Xây dựng hầm chui tại nút giao ngã tư chợ đình	DGT	0,78		0,78		Công trình dạng tuyến	Phú Lợi, Hiệp Thành, Phú Cường, Phú Hòa	Ngân sách	Năm 2021	
10	Trạm 110 kV T3 và đường dây 110kV T3 trạm 220kV Tân Định	DTL	0,64		0,64		Công trình dạng tuyến	Phú Tân	Doanh nghiệp	Năm 2021	
11	Cải tạo, mở rộng vỉa hè đường Ngô Gia Tự (từ Đại Lộ Bình Dương đến ranh khu đô thị Chánh Nghĩa)	DGT	0,81		0,81	ODT+CLN	Công trình dạng tuyến	Chánh Nghĩa	Ngân sách	Năm 2021	
12	Đường vào khu dân cư Hiệp Thành 1	DGT	0,32		0,32	ODT+CLN	Công trình dạng tuyến	Hiệp Thành	Ngân sách	Năm 2021	
13	Đường D4 (từ đường Lê Hồng Phong đến đường N4 nối dài)	DGT	0,53		0,53	ODT+CLN	Công trình dạng tuyến	Phú Thọ	Ngân sách	Năm 2021	
14	Đường N8-N10 (từ đường Lê Hồng Phong đến đường Nguyễn Thị Minh Khai)	DGT	2,08		2,08	ODT+CLN	Công trình dạng tuyến	Phú Hòa	Ngân sách	Năm 2021	
15	Nâng cấp, mở rộng đường Huỳnh Thị Hiếu (từ đường Phan Đăng Lưu đến đường Nguyễn Chí Thanh)	DGT	6,38		6,38	ODT+CLN	Công trình dạng tuyến	Tân An	Ngân sách	Năm 2021	

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường			
16	Mở mới đường phân khu D13 (từ Phạm Ngọc Thạch đến N13) phường Phú Mỹ	DGT	1,76		1,76	ODT+CLN	Công trình dạng tuyến	Phú Mỹ	Ngân sách	Năm 2021	
17	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Văn Cừ (từ đường Hồ Văn Cống đến Rạch nhà Thờ)	DGT	6,56		6,56	CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Chánh Mỹ	Ngân sách	Năm 2021	
18	Nâng cấp, mở rộng đường An Mỹ - Phú Mỹ (từ đường Huỳnh Văn Luỹ đến đường ĐX 026)	DGT	0,57		0,57	ODT+CLN	Công trình dạng tuyến	Phú Mỹ	Ngân sách	Năm 2021	
19	Nâng cấp, mở rộng đường vào khu tái định cư Phường Phú Mỹ (khu 1)	DGT	0,57		0,57	ODT+CLN	Công trình dạng tuyến	Phú Mỹ	Ngân sách	Năm 2021	
20	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn An Ninh	DGT	0,28		0,28	ODT+CLN	Công trình dạng tuyến	Phú Cường	Ngân sách	Năm 2021	
21	Xây dựng công viên công cộng (giữa 2 Rạch Thổ Ngữ)	DKV	2,44		2,44	CLN	Tờ 35	Chánh Nghĩa	Ngân sách	Năm 2021	
22	Nâng cấp, cải tạo Trường THCS Chánh Nghĩa	DGD	0,5		0,5	CLN	Tờ 59	Chánh Nghĩa	Ngân sách	Năm 2021	
23	Đường tổ 61, khu 8 (từ 30/4 đến đường Lê Hồng Phong) phường Phú Thọ	DGT	0,96		0,96	ODT+CLN	Công trình dạng tuyến	Phú Thọ	Ngân sách	Năm 2021	
24	Mở rộng trạm y tế phường Tân An (trạm y tế liên phương Tân An - Hiệp An - Định Hòa)	DYT	0,42		0,42	CLN	Tờ 13-3	Tân An	Ngân sách	Năm 2021	
25	Mở mới và thu hồi đất vùng phụ cận đường Tạo lực 6 nối dài	DGT	4,86		4,86	CLN, ODT	Từ ĐLBD - nút giao Phan Đăng Lưu và Huỳnh Thị Chấu	Hiệp An	Ngân sách	Năm 2020	
II	**Thành phố Thuận An**	**20**	**64,92**		**64,92**						
1	Nâng cấp, mở rộng đường Trịnh Hoài Đức	DGT	1,20		1,20	CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	An Thạnh	Ngân sách	Năm 2020	
2	Xây dựng mới đường An Thạnh 24.	DGT	3,06		3,06	CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	An Thạnh	Ngân sách	Năm 2020	
3	Xây dựng mới đường Nguyễn Chí Thanh nối dài	DGT	1,10		1,10	CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	An Thạnh	Ngân sách	Năm 2020	
4	Giải phóng mặt bằng trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát, thị xã Thuận An	DTL	21,26		21,26	CLN	Công trình dạng tuyến	An Thạnh, Bình Chuẩn, Thuận Giao	Ngân sách	Năm 2020	
5	Xây dựng cống qua đường hồ Văn Mên trên kênh suối con thuộc dự án trục thoát nước Bưng Biệp-Suối Cát	DTL	0,14		0,14	CLN	Công trình dạng tuyến	An Thạnh	Ngân sách	Năm 2020	
6	Đầu tư mới tuyến đường An Phú KV09 (đoạn từ đường Bình Chuẩn-An Phú đến đường Mỹ Phước-Tân Vạn)	DGT	1,10		1,10	CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	An Phú	Ngân sách	Năm 2021	
7	Nâng cấp, mở rộng đường Hồ Văn Mên (Hương lộ 9) từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến cảng An sơn	DGT	14,05		14,05	CLN, ODT, ONT	Công trình dạng tuyến	Phường An Thạnh, Xã An Sơn	Ngân sách	Năm 2021	
8	Trường tiểu học An Phú 3	DGG	2,23		2,23	CLN	Thửa 38, 48, 49, 261, tờ 141	Phường An Phú	Ngân sách	Năm 2021	
9	Nâng cấp mở rộng đường Bình Chuẩn 16 (đoạn từ cụm công nghiệp Bình Chuẩn đến đường ĐT 743)	DGT	1,15		1,15	CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Bình Chuẩn	Ngân sách	Năm 2021	
10	Nâng cấp, mở rộng đường Bình Nhâm 90	DGT	1,08		1,08	CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Bình Nhâm	Ngân sách	Năm 2021	
11	Bồi thường, giải phóng mặt bằng Ven sông Sài Gòn (Đoạn 2)	DGT	2,30		2,30	CLN	Công trình dạng tuyến	Lái Thiêu	Ngân sách	Năm 2021	

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường			
12	Nâng cấp, mở rộng đường Bình Nhâm 40	DGT	0,50		0,50	CLN	Công trình dạng tuyến	Bình Nhâm	Ngân sách	Năm 2021	
13	Nâng cấp, mở rộng đường Bình Chuẩn 67	DGT	3,30		3,30	CLN	Công trình dạng tuyến	Bình Chuẩn	Ngân sách	Năm 2021	
14	Nâng cấp, mở rông đường Hưng Định 20	DGT	1,10		1,10	CLN	Công trình dạng tuyến	Hưng Định	Ngân sách	Năm 2021	
15	Xây dựng đường vào khu Trung tâm chính trị - hành chính thị xã (nay thành phố) Thuận An	DGT	0,35		0,35	CLN	Các thửa đất thuộc tờ 10	Lái Thiêu	Ngân sách	Năm 2021	
16	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Văn Lộng nối dài	DGT	0,40		0,40	CLN	Công trình dạng tuyến	Bình Nhâm	Ngân sách	Năm 2021	
17	Nâng cấp, mở rộng đường An Phú 17	DGT	1,45		1,45	CLN	Công trình dạng tuyến	An Phú	Doanh nghiệp	Năm 2021	
18	Xây dựng khu tái định cư An Thạnh, thành phố Thuận An	ODT	7,20		7,20	CLN, ODT	Các thửa đất thuộc tờ 12	An Thạnh	Ngân sách	Năm 2020	
19	Nâng cấp đường dây 110kV Thuận An - Vsip 2 thành 2 mạch và phân pha 2x300m2 (phát sinh thu hồi đất trụ móng)	DNL	0,10		0,10	CLN	Công trình dạng tuyến	Bình Hoà	Doanh nghiệp	Năm 2020	
20	Xây dựng cống triều kiểm soát Rạch Bình Nhâm	DTL	1,85		1,85	CLN	Các thửa đất thuộc tờ 4 (B1), 6(C1)	Bình Nhâm	Ngân sách	Năm 2020	
III	**Thành phố Dĩ An**	**10**	**19,51**	**0,55**	**18,96**						
1	Tuyến đường Vành đai Đông Bắc 2	DGT	5,59		5,59	HNK, CLN	5BA.3, 5BA.5, 6BA.16BA.2, 10BT, 6BT.36BT.1, 6BT	Bình An, Bình Thắng	Ngân sách	Năm 2020	
2	Xây dựng đường trên kênh T4	DGT	1,45		1,45	HNK, CLN, SKC	Công trình dạng tuyến	Tân Đông Hiệp	Ngân sách	Năm 2021	
3	Nâng cấp, mở rộng đường 30/4, phường Bình Thắng, thành phố Dĩ An	DGT	3,39		3,39	HNK, CLN, SKC, ODT..	Công trình dạng tuyến	Bình Thắng	Ngân sách	Năm 2021	
4	Nâng cấp, mở rộng đường N7 (phường Dĩ An)	DGT	0,79		0,79	HNK, CLN, SKC, ODT..	Công trình dạng tuyến	Dĩ An	Ngân sách	Năm 2021	
5	Cải tạo nâng cấp đường Bùi Thị Xuân (đoạn từ Mỹ Phước - Tân Vạn đến ranh Thái Hòa - Tân Uyên)	DGT	0,1		0,1	HNK, CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Bình	Ngân sách	Năm 2021	
6	Nâng cấp, mở rộng mặt đường và HTTN đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	DGT	0,56	0,25	0,31	ODT, CLN	các thửa đất thuộc tờ DC22	Đông Hòa	Ngân sách	Năm 2021	
7	Đường kết nối từ Khu tái định cư Tân Hòa đến khu nhà ở Phát Khang	DGT	0,15		0,15	CLN	các thửa đất thuộc tờ DC12	Đông Hòa	Ngân sách	Năm 2021	
8	Nâng cấp, mở rộng mặt đường và HTTN trục đường N7 (đường vào trường THCS tạo nguồn Bình Thắng, phường Bình Thắng)	DGT	0,91		0,91	HNK, CLN, SKC, ODT..	Công trình dạng tuyến	Bình Thắng	Ngân sách	Năm 2021	
9	Đường D14 (đoạn từ ĐT743A đến đường N14)	DGT	0,98	0,3	0,68	HNK, CLN, SKC, ODT..	Công trình dạng tuyến	Bình Thắng	Ngân sách	Năm 2021	

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường			
10	Xây dựng suối Bình Thắng (đoạn từ Đại học Quốc gia đến Quốc lộ 1A)	SON	5,59		5,59	HNK, CLN	Công trình dạng tuyến	Bình Thắng	Ngân sách	Năm 2021	
IV	**Thị xã Tân Uyên**	**42**	**85,67**	**25,69**	**84,77**						
1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 746 đoạn từ ngã ba Tân Thành đến ngã ba Hội Nghĩa (đoạn qua phường Hội Nghĩa)	DGT	13,30	4,55	8,75	LUA, HNK, CLN, ODT, SKC	Công trình dạng tuyến	Hội Nghĩa	Ngân sách	Năm 2020	
2	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)	DGT	0,03		0,03	CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Tân Phước Khánh	Ngân sách	Năm 2020	
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 409 (đoạn từ cầu Vĩnh Lợi đến ĐH 410)	DGT	11,53	11,30	0,23	LUA, HNK, CLN, ODT, SKC	Công trình dạng tuyến	Vĩnh Tân	Ngân sách	Năm 2020	
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tô Vĩnh Diện (đoạn từ Cầu Xéo đến giáp đường ĐT 747B)	DGT	1,73		1,73	LUA, HNK, CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Tân Phước Khánh	Ngân sách	Năm 2021	
5	Làm mới đường ĐT 746 nối dài (đoạn từ dốc cây Quéo đến điểm giao với đường Thủ Biên Cổng Xanh)	DGT	0,002		0,002	LUA	Thửa 62, tờ 43	Uyên Hưng	Ngân sách	Năm 2021	
6	Cảng Thạnh Phước (giai đoạn 2)	DGT	27,83		27,83	LUA:8,96ha, HNK,CLN,ODT	Các thửa đất thuộc tờ 7, 10	Thạnh Phước	Doanh nghiệp	Năm 2021	
7	Trạm 110kV Bến Sắn và nhánh rẽ đấu nối	DNL	0,47		0,47	LUA, HNK, CLN	Công trình dạng tuyến	Vĩnh Tân, Tân Vĩnh Hiệp, Tân Hiệp, Khánh Bình	Doanh nghiệp	Năm 2021	
8	Trạm 110kV Bình Thuận và đường dây đấu nối	DNL	0,47		0,47	LUA, HNK, CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Phước Khánh	Doanh nghiệp	Năm 2021	
9	Xây dựng nhà bia liệt sỹ xã Thạnh Hội	DVH	0,01		0,01	TIN	Một phần thửa 56 tờ 5	xã Thạnh Hội	Ngân sách	Năm 2021	
10	Trường mầm non Tân Hiệp 2	DGD	1,92		1,92	LUA, HNK, CLN	Thửa 115, 140, tờ 37	Tân Hiệp	Ngân sách	Năm 2020	
11	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 1: Xây dựng đường dẫn vào cầu phía Bình Dương	DGT	7,40		7,40	LUA, HNK, CLN, ONT	Công trình dạng tuyến	Bạch Đằng	Ngân sách	Năm 2020	
12	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 2: Xây dựng cầu vượt sông Đồng Nai	DGT	1,01		1,01	LUA,HNK,CLN, ONT, SKC	Công trình dạng tuyến	Bạch Đằng	Ngân sách	Năm 2020	
13	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã tư Bình Chuẩn đến ngã ba giao với tuyến đường Đài Liệt sỹ Tân Phước Khánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	DGT	3,00		3,00	LUA, HNK, CLN, ODT, SKC	Công trình dạng tuyến	Tân Phước Khánh	Ngân sách	Năm 2020	

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường			
14	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 402, phường Tân Phước Khánh	DGT	10,49	6,64	3,85	DGT, HNK, LUA, CLN, ODT, SKC	Công trình dạng tuyến	Tân Phước Khánh, Thái Hòa	Ngân sách	Năm 2020	
15	Cải tạo, sửa chữa HTTN, vỉa hè, thảm bê tông nhựa đường ĐH 401, phường Thái Hòa	DGT	5,28	3,20	2,08	LUA, HNK, CLN, ODT, SKC	Công trình dạng tuyến	Thái Hòa	Ngân sách	Năm 2020	
16	Giải phóng mặt bằng thi công hạ lưu cống ngang Km 7+67 trên đường ĐT 747B (điểm đầu giáp ĐT 747B đến giáp mương Đầu Cùng)	DGT	0,25		0,25	LUA, HNK, CLN, ODT	Một phần thửa 571, 58, 62, 970, 117, 123, 144 tờ 38	Khánh Bình	Ngân sách	Năm 2021	
17	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ chân cầu Thạnh Hội đến chùa Khánh Sơn	DGT	0,27		0,27	LUA, HNK, CLN, ONT	Công trình dạng tuyến	Thạnh Hội	Ngân sách	Năm 2021	
18	Xây dựng kè chống sạt lở cù lao Rùa (vị trí cổ Rùa)	DTL	0,68		0,68	LUA,HNK, CLN,TSC,DGT	Các thửa đất thuộc tờ 2, 3, 5	Thạnh Hội	Ngân sách	Năm 2020	
19	Xây dựng bờ kè sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy Tân Uyên - giai đoạn 2	DTL	5,93		5,93	LUA, HNK, CLN, ODT, SKC	Công trình dạng tuyến	Uyên Hưng	Ngân sách	Năm 2020	
20	Tuyến ống thu gom nước thải từ ĐT 743 về nhà máy xử lý nước thải (dọc suối Bưng Cù) Dự án Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An và Tân Uyên	DTL	1,20		1,20	LUA, HNK, CLN, ODT, SKC	Công trình dạng tuyến	Thái Hòa	Doanh nghiệp	Năm 2020	
21	Lộ ra 110kV Trạm 220kV Tân Uyên	DNL	0,42		0,42	LUA, HNK, CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Thái Hòa, Thạnh Phước	Doanh nghiệp	Năm 2020	
22	Công trình Trạm biến áp 110kV Khánh Vân và đường dây đấu nối	DNL	0,55		0,55	LUA, HNK, CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Khánh Bình, Tân Phước Khánh	Doanh nghiệp	Năm 2020	
23	Trạm biến áp 110kV Thường Tân và đường dây 110kV Uyên Hưng - Thường Tân	DNL	0,10		0,10	LUA, HNK, CLN, ODT	Công trình dạng tuyến, đi qua các thửa đất thuộc tờ 57 và 58	Uyên Hưng	Doanh nghiệp	Năm 2020	
24	Đường dây 110kV Phú Giáo-Trạm 220kV Uyên Hưng	DNL	0,22		0,22	LUA, HNK, CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Hội Nghĩa, Uyên Hưng	Doanh nghiệp	Năm 2020	
25	Trạm biến áp 110kV VSIP 2-MR2 và đường dây đấu nối	DNL	0,50		0,50	LUA, HNK, CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Vĩnh Tân	Doanh nghiệp	Năm 2020	
26	Cải tạo, mở rộng, nâng quy mô công suất (T3) trạm 110kV Khánh Bình	DNL	0,07		0,07	LUA, HNK, CLN	Công trình dạng tuyến	Khánh Bình	Doanh nghiệp	Năm 2021	
27	Trung tâm VHTT xã Thạnh Hội	DVH	2,13		2,13	LUA, CLN	Một phần thửa 370, 371, 375, thửa 315, 314, 372, 374, 453 tờ 4; thửa 200, 201, 248, 247, 249 tờ 5	Thạnh Hội	Ngân sách	Năm 2021	
28	Trạm y tế xã Bạch Đằng	DYT	0,36		0,36	DGD, CLN	Thửa 23, tờ 6	Bạch Đằng	Ngân sách	Năm 2020	
29	Trường tiểu học Tân Phước Khánh B	DGD	1,36		1,36	HNK, NTD	Thửa 350, 393, 392, 1551, 361, 1553 tờ 9	Tân Phước Khánh	Ngân sách	Năm 2020	
30	Trường mầm non Thạnh Phước	DGD	1,24		1,24	LUA, HNK, CLN, ODT	Thửa 595, 594, 620, 615, 618, 619, 622, 621, 623, 850, 629, 628, 627, 626, 625, 624, tờ 11	Thạnh Phước	Ngân sách	Năm 2020	

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường			
31	Trường tiểu học Khánh Bình	DGD	1,21		1,21	DGD, CLN	Nằm trong khu nhà ở Nam Tân Uyên	Khánh Bình	Ngân sách	Năm 2020	
32	Trường THCS Vĩnh Tân	DGD	1,21		1,21	LUA,HNK,CLN	Thửa 970, 536, 537, tờ 21	Vĩnh Tân	Ngân sách	Năm 2020	
33	Trường mầm non Bạch Đằng	DGD	1,00		1,00	LUA, DTT	Thửa 1584, tờ 9	Bạch Đằng	Ngân sách	Năm 2020	
34	Xây dựng trụ sở Công an xã Bạch Đằng	TSC	0,40		0,40	CLN	Thửa 1584, tờ 9	Bạch Đằng	Ngân sách	Năm 2020	
35	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất dự kiến xây dựng trụ sở ngành trên địa bàn thị xã Tân Uyên	TSC	2,44		2,44	CLN	Thửa 96, tờ 35	Uyên Hưng	Ngân sách	Năm 2021	
36	Xây dựng mới Hội trường 300 chỗ UBND phường Vĩnh Tân	TSC	0,25		0,25	CLN	Thửa 1243 tờ 21	Vĩnh Tân	Ngân sách	Năm 2021	
37	Nhà tang lễ thị xã Tân Uyên	NTD	0,81		0,81	ODT, CLN, HNK, NTD	Thửa 57, 46, tờ 41	Khánh Bình	Ngân sách	Năm 2020	
38	Xây dựng Hoa viên khu phố An Thành, phường Thái Hòa	DKV	0,26		0,26	NTD	Thửa 134 tờ 11	Thái Hòa	Ngân sách	Năm 2021	
39	Xây dựng Hoa viên khu phố Khánh Lợi, phường Tân Phước Khánh	DKV	0,67		0,67	NTD	Thửa 62, 97, 1412 tờ 9	Tân Phước Khánh	Ngân sách	Năm 2021	
40	Xây dựng mới văn phòng, Công viên khu phố 1, phường Uyên Hưng	DKV	0,40		0,40	TSC, CLN	Thửa 142, tờ 22	Uyên Hưng	Ngân sách	Năm 2021	
41	Xây dựng Công viên khu phố Dư Khánh, phường Thạnh Phước	DKV	0,69		0,69	NTD	Thửa 432, 618, 361 tờ 12	Thạnh Phước	Ngân sách	Năm 2021	
42	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư Dư Khánh, phường Thạnh Phước	ODT	1,38		1,38	LUA, HNK	Thửa 376, 378, 380, 427, 428, 429, 430, 431,444, 445, 446, 447, 448, 502, 503, 504, 505, 516, 517 tờ 12	Thạnh Phước	Ngân sách	Năm 2021	
V	**Thị xã Bến Cát**	**35**	**170,10**	**15,60**	**154,50**						
1	Trạm biến áp 220kV Bến Cát 2 và đấu nối và đường dây 220kV Chơn Thành - Bến Cát 2	DNL	5,75		5,75	CLN	Công trình dạng tuyến	An Điền	Doanh nghiệp	Năm 2021	
2	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 748 (đoạn từ giáp giao lộ Ngã tư Phú Thứ đến vành đai Bắc thị trấn Mỹ Phước)	DGT	48,20	15,60	32,60	CLN	Công trình dạng tuyến	An Điền, Phú An	Ngân sách	Năm 2020	
3	Nâng cấp mở rộng đường 7A	DGT	0,02		0,02	CLN	Công trình dạng tuyến	An Tây	Ngân sách	Năm 2020	
4	Xây dựng hệ thống thoát nước hạ lưu Cống Rau Muống đi qua Khu dân cư Mỹ Phước 3 đến rạch Chùm Chùm	DTL	0,13		0,13	CLN	Công trình dạng tuyến	Mỹ Phước	Ngân sách	Năm 2021	
5	Nâng cấp bê tông nhự nóng tuyến đường từ ngã ba đường qua Vĩnh Tân đến ngã ba nhà ông 2 Mạnh, khu phố 9, Phường Chánh Phú Hòa.	DGT	0,81		0,81	CLN	Công trình dạng tuyến	Chánh Phú Hòa	Ngân sách	Năm 2021	

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường			
6	Nâng cấp bê tông nhự nóng tuyến đường từ ngã ba Rừng ông ba Vọ đến suối Bến Dưa, khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa.	DGT	0,95		0,95	CLN	Công trình dạng tuyến	Chánh Phú Hòa	Ngân sách	Năm 2021	
7	Nâng cấp bê tông nhự nóng đường ĐH 605 đến cầu Bến Tượng, khu phố 4, Phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát.	DGT	1,06		1,06	CLN	Công trình dạng tuyến	Chánh Phú Hòa	Ngân sách	Năm 2021	
8	Nâng cấp bê tông nhự nóng đường từ ĐT 741 nhà ông 2 Kháng đến giáp đường ranh giới xã Tân Bình, khu phố 1B, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.	DGT	0,50		0,50	CLN	Công trình dạng tuyến	Chánh Phú Hòa	Ngân sách	Năm 2021	
9	Nâng cấp bê tông nhự nóng đường từ ĐT 741 (nhà ông Khanh) đến giáp đường Xe lửa, khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa.	DGT	0,55		0,55	CLN	Công trình dạng tuyến	Chánh Phú Hòa	Ngân sách	Năm 2021	
10	Nâng cấp bê tông nhự nóng đường từ ĐT 741 (nhà ông 7 An) đến giáp đường nhựa ranh giới xã Tân Bình và nhánh rẽ giáp suối Vĩnh Tân, khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa.	DGT	1,06		1,06	CLN	Công trình dạng tuyến	Chánh Phú Hòa	Ngân sách	Năm 2021	
11	Nâng cấp tuyến đường từ nhà ông 3 Lệnh đến xóm Cây Dương, khu phố An Lợi, phường Hòa Lợi.	DGT	0,40		0,40	CLN	Công trình dạng tuyến	Hòa Lợi	Ngân sách	Năm 2021	
12	Nâng cấp tuyến đường từ nhà bà Cao Thị Hồng đến nhà ông Hồ Văn Mận, khu phố An Hòa – An Lợi – Bến Đồn, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát.	DGT	0,86		0,86	CLN	Công trình dạng tuyến	Hòa Lợi	Ngân sách	Năm 2021	
13	Nâng cấp bê tông nhự nóng tuyến đường Bầu Tây – Ông Cường, ấp Phú Thứ - Phú Thuận, xã Phú An.	DGT	0,42		0,42	CLN	Công trình dạng tuyến	Phú An	Ngân sách	Năm 2021	
14	Nâng cấp tuyến đường ông Cu Quán – bà Chín Chương, ấp Phú Thuận.	DGT	0,24		0,24	CLN	Công trình dạng tuyến	Phú An	Ngân sách	Năm 2021	
15	Nâng cấp bê tông nhự nóng tuyến đường Út Deo – Ông Tài, ấp Phú Thứ, xã Phú An.	DGT	0,41		0,41	CLN	Công trình dạng tuyến	Phú An	Ngân sách	Năm 2021	
16	Nâng cấp bê tông nhự nóng tuyến Bầu Tây (Sinh Thái) – ĐH 609, ấp Phú Thứ, xã Phú An.	DGT	1,25		1,25	CLN	Công trình dạng tuyến	Phú An	Ngân sách	Năm 2021	
17	Nâng cấp tuyến đường Thầy Châu – ông Tám Lộc, ấp Phú Thứ, xã Phú An, thị xã Bến Cát.	DGT	0,38		0,38	CLN	Công trình dạng tuyến	Phú An	Ngân sách	Năm 2021	
18	Nâng cấp tuyến đường Nghĩa trang ấp Dòng Sói, xã An Tây.	DGT	0,28		0,28	CLN	Công trình dạng tuyến	An Tây	Ngân sách	Năm 2021	
19	Nâng cấp tuyến đường Chín Phùng, ấp Lồ Ô, xã An Tây.	DGT	0,24		0,24	CLN	Công trình dạng tuyến	An Tây	Ngân sách	Năm 2021	
20	Nâng cấp tuyến đường Bảy Thia, ấp An Thành, xã An Tây.	DGT	0,36		0,36	CLN	Công trình dạng tuyến	An Tây	Ngân sách	Năm 2021	
21	Nâng cấp, bê tông nhự nóng tuyến đường từ QL13 (9 Chót) đến nhà ông 7 Đầy, khu phố 4, phường Tân Định.	DGT	0,70		0,70	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Năm 2021	

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường			
22	Nâng cấp, bê tông nhự nóng tuyến đường từ nhà ông 5 Lùn đến Công ty Hàn Việt Phát khu phố 1, phường Tân Định	DGT	0,40		0,40	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Năm 2021	
23	Nâng cấp bê tông nhự nóng tuyến đường từ Ông 7 Chuột đến Công ty Hồng Hà Khu phố 3, phường Tân Định	DGT	0,15		0,15	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Năm 2021	
24	Nâng cấp bê tông nhự nóng tuyến Đình đến Ông 6 Chiếc Khu phố 1, phường Tân Định	DGT	0,23		0,23	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Năm 2021	
25	Nâng cấp tuyến đường từ đường Quốc lộ 13 (Cầu đường 76) - Ngã ba ông Năm Đồng, khu phố 4, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	DGT	0,83		0,83	CLN	Công trình dạng tuyến	Mỹ Phước	Ngân sách	Năm 2021	
26	Nâng cấp tuyến đường từ đường Quốc lộ 13 (Lò gạch Phương Tài) – Nhà ông Chiến, khu phố 5, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	DGT	0,42		0,42	CLN	Công trình dạng tuyến	Mỹ Phước	Ngân sách	Năm 2021	
27	Nâng cấp, bê tông nhự nóng tuyến đường từ nhà 5 Bé đến đường ĐH 601 khu phố 2.	DGT	0,50		0,50	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Năm 2021	
28	Nâng cấp bê tông nhự nóng tuyến đường từ nhà 6 Sưu đến đường ĐH601 khu phố 3, phường Tân Định	DGT	0,25		0,25	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Năm 2021	
29	Nâng cấp bê tông nhự nóng 3 Ngon đến Út Thua, khu phố 1, phường Tân Định	DGT	0,60		0,60	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Năm 2021	
30	Nâng cấp bê tông nhự nóng tuyến đường từ QL 13 (Ông Thuận) đến nhà ông 2 Ân, khu phố 3, phường Tân Định	DGT	0,19		0,19	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Năm 2021	
31	Nâng cấp, bê tông nhự nóng tuyến đường từ QL13 khúc nhạc tình đến công ty Hồng Hà, khu phố 3, phường Tân Định	DGT	0,90		0,90	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Năm 2021	
32	Nâng cấp, bê tông nhự nóng tuyến đường từ QL13 (Dũng 2 Ken) đến nhà bà 2 Hiếu khu phố 3, phường Tân Định	DGT	0,35		0,35	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Năm 2021	
33	Nâng cấp, mở rộng đường Gò Cào Cào phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát	DGT	0,23		0,23	CLN	Công trình dạng tuyến	Hòa Lợi	Ngân sách	Năm 2021	
34	Xây dựng ICD-Cảng sông An Tây	DGT	100,00		100,00	LUA, CLN	Khu Quy hoạch cảng	An Tây	Doanh nghiệp	Năm 2021	
35	Nâng cấp tuyến đường ĐH606 đến ĐT748, xã An Điền	DGT	0,50		0,50	CLN	Công trình dạng tuyến	An Điền	Ngân sách	Năm 2021	
VI	**Huyện Dầu Tiếng**	**17**	**31,82**		**27,52**						
1	Xây dựng cống thoát nước khu phố 4A	DGT	0,30		0,30	CLN	Công trình dạng tuyến	TT Dầu Tiếng	Ngân sách	Năm 2020	

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường			
2	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH704 (đoạn từ trường THPT Phan Bội Châu đến Ngã tư Minh Hòa)	DGT	5,78	4,3	1,48	CLN	Công trình dạng tuyến	Minh Hòa	Ngân sách	Năm 2021	
3	Nâng cấp, mở rộng đường N7, khu dâncư lô F	DGT	1,06		1,06	CLN	Công trình dạng tuyến	TT Dầu Tiếng	Ngân sách	Năm 2021	
4	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH - 702 đoạn từ ngã ba Lòng Hồ đến Cầu Mới	DGT	2,58		2,58	CLN	Công trình dạng tuyến	Định Thành	Ngân sách	Năm 2021	
5	Nâng cấp các tuyến còn lại trong khu Trung tâm văn hóa thể thao huyện Dầu Tiếng	DGT	0,23		0,23	CLN	Công trình dạng tuyến	TT Dầu Tiếng	Ngân sách	Năm 2021	
6	Xây dựng hạ lưu các cống ngang đường ĐT 744 các đoạn đi qua địa bàn huyện Dầu Tiếng	DGT	1,13		1,13	CLN	Công trình dạng tuyến	Thanh Tuyền	Ngân sách	Năm 2021	
7	Nâng cấp bê tông nhựa tuyến đường giao thông nông thôn từ đường ĐH. 716 đến đường Hồ Chí Minh, ấp Bờ Cảng xã Long Tân	DGT	2,03		2,03	CLN	Công trình dạng tuyến	Long Tân	Ngân sách	Năm 2021	
8	Nâng cấp bê tông nhựa tuyến đường giao thông nông thôn từ cầu Cái Liễu 1 đến cầu Cái Liễu 2, ấp Cây Liễu xã Minh Thạnh	DGT	1,79		1,79	CLN	Công trình dạng tuyến	Minh Thạnh	Ngân sách	Năm 2021	
9	Nâng cấp bê tông nhựa tuyến đường giao thông nông thôn từ cầu Cái Liễu 1 đến tuyến 7 (nhà ô Hội), ấp Cây Liễu xã Minh Thạnh	DGT	2,40		2,40	CLN	Công trình dạng tuyến	Minh Thạnh	Ngân sách	Năm 2021	
10	Nâng cấp bê tông nhựa tuyến đường giao thông nông thôn (từ nhà ông Phu đến nhà ông Liễu), ấp Đồng Bé xã Minh Thạnh	DGT	1,18		1,18	CLN	Công trình dạng tuyến	Minh Thạnh	Ngân sách	Năm 2021	
11	Nâng cấp bê tông nhựa tuyến đường giao thông nông thôn (từ Nghĩa trang giáo xứ Minh Thạnh đến trại heo ông Cường), ấp Đồng Sơn xã Minh Thạnh	DGT	1,50		1,50	CLN	Công trình dạng tuyến	Minh Thạnh	Ngân sách	Năm 2021	
12	Nâng cấp bê tông nhựa tuyến đường giao thông nông thôn (từ đường ĐT.749A đến cầu Bến Than, ấp Hố Đá xã Long Tân)	DGT	5,15		5,15	CLN	Công trình dạng tuyến	Long Tân	Ngân sách	Năm 2021	
13	Đầu tư nâng cấp, mở rộng, mở mới tuyến đường giao thông nông thôn ấp Đất Đỏ - Hằng Nù (đoạn từ đường ĐT. 748 đến đất bà Thanh, nhà ông Ba Thu)	DGT	1,10		1,10	CLN	Công trình dạng tuyến	An Lập	Ngân sách	Năm 2021	
14	Đường giao thông nông thôn từ đường N1 đến đường ĐH 711 ấp Chợ, xã Thanh Tuyền	DGT	0,15		0,15	CLN	Công trình dạng tuyến	Thanh Tuyền	Ngân sách	Năm 2020	
15	Hệ thống thoát nước bên ngoài ranh quy hoạch cụm công nghiệp An Lập	DTL	2,00		2,00	CLN	Công trình dạng tuyến	An Lập	Ngân sách	Năm 2020	
16	Trường Mầm non An Lập	DGD	1,61		1,61	CLN	Các thửa đất thuộc tờ 53	An Lập	Ngân sách	Năm 2021	

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường			
17	Xây dựng hạ tầng toàn khu vực dự án trùng tu, tôn tạo khu di tích lịch sử Sở chỉ huy tiền phương chiến dịch Hồ Chí Minh giai đoạn 2 (dự án 1 xây dựng hạ tầng toàn khu)	DDT	5,96		1,83	CLN	Công trình dạng tuyến	Minh Tân, Minh Thạnh	Ngân sách	Năm 2019	
VII	**Huyện Phú Giáo**	**24**	**17,52**		**17,52**						
1	Mở rộng trường tiểu học An Long	DGD	0,51		0,51	CLN	Các thửa đất tờ 24	An Long	Ngân sách	Năm 2021	
2	Nâng cấp, nối dài đường căn cứ 20 nhánh 1 (đường nhà ông Thành) - LG 5m	DGT	0,13		0,13	CLN	Các thửa đất thuộc tờ 21	Phước Sang	Xã hội hóa	Năm 2021	
3	Nâng cấp, nối dài đường Phước Sang 2 - LG 7m	DGT	0,28		0,28	CLN	Các thửa đất thuộc tờ 14 và 15	Phước Sang	Xã hội hóa	Năm 2021	
4	Nâng cấp, nối dài hẻm 60 - Đường Phan Bội Châu (Khu phố 3)	DGT	0,04		0,04	CLN	tờ 44, thửa 296	Phước Vĩnh	Xã hội hóa	Năm 2021	
5	Nâng cấp, nối dài hẻm 70 - Đường ĐT 741 (Khu phố 6)	DGT	0,08		0,08	CLN	Các thửa đất thuộc tờ 22	Phước Vĩnh	Xã hội hóa	Năm 2021	
6	Nâng cấp, nối dài hẻm 3 - Đường 3/2 sang hẻm 53 đường ĐH 501 (Khu phố 8)	DGT	0,18		0,18	CLN	Các thửa đất thuộc tờ 41	Phước Vĩnh	Xã hội hóa	Năm 2021	
7	Nâng cấp, nối dài đường An Bình 172	DGT	0,08		0,08	CLN	Các thửa đất thuộc tờ 33	An Bình	Xã hội hóa	Năm 2021	
8	Nâng cấp, nối dài đường An Bình 170	DGT	0,19		0,19	CLN	Các thửa đất thuộc tờ 15 và 27	An Bình	Xã hội hóa	Năm 2021	
9	Nâng cấp, nối dài đường An Bình 168	DGT	0,92		0,92	CLN	Các thửa đất thuộc tờ 27 và 65	An Bình	Xã hội hóa	Năm 2021	
10	Nâng cấp, nối dài đường An Bình 132	DGT	0,65		0,65	CLN	Các thửa đất thuộc tờ 32 và 26	An Bình	Xã hội hóa	Năm 2021	
11	Xây dựng cầu Ba Bi (xã An Bình đi xã Tân Lập, huyện Đồng Phú)	DGT	0,20		0,20	CLN	Các thửa đất thuộc tờ 37	An Bình	Ngân sách	Năm 2021	
12	Xây dựng cầu Ba Điền (xã An Bình đi xã Tân Lập, huyện Đồng Phú)	DGT	0,20		0,20	CLN	Các thửa đất thuộc tờ 20	An Bình	Ngân sách	Năm 2021	
13	Hệ thống xử lý nước thải KCN Tân Bình	DTL	0,38		0,38	CLN, ONT	Các thửa đất thuộc tờ 38	Phước Hòa	Doanh nghiệp	Năm 2020	
14	Dự án xây dựng đường và cầu Vàm Tư	DGT	0,80		0,80	CLN	Các thửa đất thuộc tờ 60	Phước Hòa	Ngân sách	Năm 2020	
15	Trạm biến áp 110KV KCN Cổng Xanh và đường dây đấu nối	DNL	0,50		0,50	CLN	Công trình dạng tuyến	Phước Hòa	Doanh nghiệp	Năm 2021	
16	Đường dây Đồng Xoài - Phú Giáo	DNL	1,06		1,06	CLN	công trình dạng tuyến	An Bình, Phước Vĩnh, Vĩnh Hòa	Ngân sách	Năm 2021	
17	Thu hồi trường Tiểu học Phước Vĩnh B (cũ) giao về địa phương quản lý	DTS	0,66		0,66	DGD	tờ 38, thửa 703	Phước Vĩnh	Ngân sách	Năm 2020	
18	Nâng cấp đường dây 110kV Trị An - Phú Giáo	DNL	0,07		0,07	CLN	Công trình dạng tuyến	Tam Lập, Vĩnh Hòa, Phước Hòa	Ngân sách	Năm 2020	
19	Đường dây 110kV Phú Giáo - Trạm biến áp 220kV Uyên Hưng	DNL	0,40		0,40	CLN	Công trình dạng tuyến	Vĩnh Hòa, Phước Hòa	Doanh nghiệp	Năm 2021	
20	Đường dây 220kV đấu nối Trạm 500kV Bình Dương 1 - rẽ Uyên Hưng - Sông Mây	DNL	1,82		1,82	CLN	Công trình dạng tuyến	An Bình, Tam Lập, Vĩnh Hòa, Phước Hòa	Doanh nghiệp	Năm 2021	
21	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741B	DGT	3,20		3,20	CLN, CHN, ONT	Công trình dạng tuyến	Phước Hòa	Ngân Sách	Năm 2021	

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường			
22	Mở rộng đường ĐH 507	DGT	3,40		3,40	CLN, CHN, ONT	Công trình dạng tuyến	Vĩnh Hòa, Tân Hiệp, An Linh, An Thái	Ngân Sách	Năm 2021	
23	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng trường THCS Vĩnh Hòa	DGD	1,13		1,13	CLN, CHN, ONT	Các thửa đất thuộc tờ 15	Vĩnh Hòa	Ngân Sách	Năm 2021	
24	Đền bù, giải tỏa khu đất phía sau Trụ sở Huyện ủy và phía sau trụ sở Khối vận huyện	TSC	0,64		0,64	CLN, ODT	Các thửa đất thuộc tờ 8	Phước Vĩnh	Ngân Sách	Năm 2021	
VIII	**Huyện Bàu Bàng**	**25**	**121,79**	**88,87**	**32,93**						
1	Mở rộng Trung tâm văn hóa xã Tân Hưng	DVH	1,50		1,50	CLN	tờ 25	Tân Hưng	Ngân sách	Năm 2021	
2	Đường dây 110kV trạm 110kV Thanh An - trạm 220kV Bến Cát	DNL	1,30		1,30	CLN	Công trình dạng tuyến	Long Nguyên, Lai Hưng	Doanh nghiệp	Năm 2020	
3	Khu di tích ấp Bến Tượng	DDT	0,20		0,20	TSC	Thửa 812, tờ 28	Lai Hưng	Ngân sách	Năm 2020	
4	Hội trường UBND xã Trừ Văn Thố	TSC	0,17		0,17	DGD	Thửa 1308, tờ 87	Trừ Văn Thố	Ngân sách	Năm 2021	
5	Văn phòng ấp 1	DSH	0,30		0,30	CLN	Thuộc một phần thửa 46, tờ 28	Tân Hưng	Ngân sách	Năm 2021	
6	Văn phòng ấp 5	DSH	0,30		0,30	CLN	Thuộc một phần thửa 9, tờ 26	Tân Hưng	Ngân sách	Năm 2021	
7	Văn phòng ấp 3	DSH	0,30		0,30	CLN	Thửa 158, tờ 13	Hưng Hòa	Ngân sách	Năm 2021	
8	Tượng đài huyện Bàu Bàng	DVH	0,20		0,20	CLN		Lai Uyên	Ngân sách	Năm 2021	
9	Trường mầm non xã Trừ Văn Thố	DGD	0,70		0,70	CLN	Một phầnthửa 312, tờ 10	Trừ Văn Thố	Ngân sách	Năm 2021	
10	Trường THCS Lai Uyên	DGD	2,43		2,43	CLN	Thửa 1154, 1155, tờ 50	Lai Uyên	Ngân sách	Năm 2021	
11	ĐH. 617 (QL. 13 - ĐT. 749A; Nâng cấp, mở rộng)	DGT	17,92	15,68	2,24	CLN	Công trình dạng tuyến	Lai Hưng	Ngân sách	Năm 2021	
12	Đường ĐH.619 nối dài (Giáp ĐH.619 - QL13)	DGT	4,48		4,48	CLN	Công trình dạng tuyến	Long Nguyên	Ngân sách	Năm 2021	
13	Xây dựng đường ĐH 623 (chỉnh lại hướng tuyến)	DGT	20,04	17,53	2,50	CLN	Công trình dạng tuyến	Lai Hưng	Ngân sách	Năm 2021	
14	Đường nam Bàu Bàng	DGT	52,57	41,62	10,95	CLN	Công trình dạng tuyến	Lai Hưng Long Nguyên	Ngân sách	Năm 2021	
15	Nâng cấp bê tông nhự nóng đường Bắc Bến Tượng (đường Lai Hưng 20 đoạn từ ngã 3 Văn phòng ấp Bến Tượng đến ngã ba đường láng nhựa Viện Nghiên cứu cao su)	DGT	1,00		1,00	CLN	Công trình dạng tuyến	Lai Hưng	Ngân sách	Năm 2021	
16	Lộ ra 110KV trạm 220 kV Lai Uyên	DNL	0,28		0,28	CLN	Công trình dạng tuyến	Lai Uyên	Doanh nghiệp	Năm 2021	
17	Các lộ ra 110kV Trạm biến áp 220kV Bến Cát	DNL	0,30		0,30		Công trình dạng tuyến	Lai Hưng	Doanh nghiệp	Năm 2021	
18	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 741B	DGT	14,46	14,03	0,43	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Hưng, Hưng Hòa	Ngân sách	Năm 2020	
19	Nạo vét, khai thông dòng chảy suối Bàu Lòng đoạn từ cống ngang Quốc lộ 13 đến đường ĐT 750, ấp Bàu Lòng	DTL	0,69		0,69	CLN	tờ số 02, 03, 04	Lai Uyên	Ngân sách	Năm 2020	

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường			
20	Đường dây 220kV Chơn Thành - Bến Cát 2	DNL	1,00		1,00	CLN	Công trình dạng tuyến	Lai Hưng,Lai Uyên, Long Nguyên	Doanh nghiệp	Năm 2020	
21	Công trình trạm biến áp 110kV Cổng Xanh và đường dây đấu nối	DNL	0,10		0,10	CLN	Công trình dạng tuyến	Hưng Hòa	Doanh nghiệp	Năm 2020	
22	Công trình đường dây 110kV từ trạm 220kV Bến Cát đến trạm 220kV Chơn Thành	DNL	1,00		1,00	CLN	Công trình dạng tuyến	Lai Hưng, Lai Uyên, Trừ Văn Thố	Doanh nghiệp	Năm 2020	
23	Nhà làm việc của khối đoàn thể và bộ phận một cửa xã Long Nguyên	TSC	0,38		0,38	DKV	Thửa 54, tờ 29	Long Nguyên	Ngân sách	Năm 2021	
24	Văn phòng khu phố Đồng Sổ	DSH	0,08		0,08	CLN	Tờ 56	Lai Uyên	Ngân sách	Năm 2021	
25	Công viên Bằng Lăng	DKV	0,11		0,11	TSC	Thửa 18, tờ 1	Lai Uyên	Ngân sách	Năm 2021	
IX	**Huyện Bắc Tân Uyên**	**37**	**142,17**	**0,93**	**141,51**						
1	Đường Tân Thành 39, 40	DGT	0,15		0,15	CLN	Một phần thửa 42, 21, 11, 12, 3 tờ 24	Tân Thành	Ngân sách	Năm 2020	
2	Đường Đất Cuốc - Tân Mỹ	DGT	1,70		1,70	CLN	Công trình dạng tuyến	Đất Cuốc, Tân Mỹ	Ngân sách	Năm 2020	
3	Nâng cấp bê tông nhựa tuyến đường giao thông từ giáp đường Tân Thành 62 đến đường Tân Thành 01	DGT	0,74		0,74	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Thành	Ngân sách	Năm 2020	
4	Nâng cấp đường ĐT 746 đoạn từ Cầu Gõ đến Hiếu Liêm	DGT	39,84		39,84	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Mỹ, Thường Tân, Lạc An, Hiếu Liêm	Ngân sách	Năm 2020	
5	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 746 đoạn từ ngã 3 Tân Thành đến ngã 3 Hội Nghĩa	DGT	29,91		29,91	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Thành, Tân Lập	Ngân sách	Năm 2020	
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH.436	DGT	0,95		0,95	CLN	Công trình dạng tuyến	Đất Cuốc	Ngân sách	Năm 2020	
7	Nâng cấp bê tông nhựa đường Hiếu Liêm 13 (giai đoạn 1)	DGT	0,20		0,20	CLN	Công trình dạng tuyến	Hiếu Liêm	Ngân sách	Năm 2020	
8	Nâng cấp bê tông xi măng đường Thường Tân 21, Thường Tân 24	DGT	0,55		0,55	CLN	Công trình dạng tuyến	Thường Tân	Ngân sách	Năm 2020	
9	Nâng cấp bê tông xi măng đường Lạc An 30	DGT	0,60		0,60	CLN	Công trình dạng tuyến	Lạc An	Ngân sách	Năm 2020	
10	Nâng cấp bê tông xi măng đường Tân Bình 39, 56	DGT	0,20		0,20	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Bình	Ngân sách	Năm 2020	
11	Nâng cấp bê tông xi măng đường Đất Cuốc 02, Đất Cuốc 08	DGT	0,18		0,18	CLN	Công trình dạng tuyến	Đất Cuốc	Ngân sách	Năm 2020	
12	Nâng cấp bê tông nhựa đường Tân Định 02 (giai đoạn 1)	DGT	0,25		0,25	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Năm 2020	
13	Nâng cấp bê tông nhựa đường Tân Thành 23 nối dài (đoạn cuối đường Tân Thành 23 đến giáp đường Tân Thành 13)	DGT	0,30		0,30	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Thành	Ngân sách	Năm 2020	
14	Xây dựng mới đường ĐH.429	DGT	20,05		20,05	CLN	Công trình dạng tuyến	Bình Mỹ, Tân Lập, Tân Thành	Ngân sách	Năm 2021	

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường			
15	Nâng cấp bê tông xi măng đường Thường Tân 29 (giai đoạn 1), Thường Tân 32	DGT	0,60		0,60	CLN	Công trình dạng tuyến	Thường Tân	Ngân sách	Năm 2021	
16	Nâng cấp bê tông xi măng đường Tân Mỹ 01	DGT	0,60		0,60	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Mỹ	Ngân sách	Năm 2021	
17	Nâng cấp bê tông xi măng đường Tân Lập 08, Tân Lập 17, Tân Lập 38 và Tân Lập 15 (giai đoạn 2)	DGT	0,50		0,50	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Lập	Ngân sách	Năm 2021	
18	Nâng cấp bê tông xi măng đường Bình Mỹ 21, Bình Mỹ 38 – nhánh 3, Bình Mỹ 46.	DGT	0,60	0,3	0,57	CLN	Công trình dạng tuyến	Bình Mỹ	Ngân sách	Năm 2021	
19	Nâng cấp bê tông xi măng đường Tân Bình 23, Tân Bình 44	DGT	0,40		0,40	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Bình	Ngân sách	Năm 2021	
20	Phân pha dây dẫn đường dây 110kV Trị An - Phú Giáo	DNL	0,20		0,20	CLN	Công trình dạng tuyến	Hiếu Liêm, Tân Định, Bình Mỹ	Doanh nghiệp	Năm 2020	
21	Đường dây 110kV VSIP II MR1- VSIPII MR2	DNL	0,54		0,54	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Bình	Ngân sách	Năm 2021	
22	Lộ ra 110kV trạm 220kV Tân Định 2	DNL	0,28		0,28	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Bình	Ngân sách	Năm 2021	
23	Trường Tiểu học Tân Lập	DGD	2,00		2,00	CLN	1 pt 88 tờ 16	Tân Lập	Ngân sách	Năm 2021	
24	Xây dựng chợ Tân Định	DCH	0,60		0,60	CLN	thửa 453, tờ 19	Tân Định	Ngân sách	Năm 2020	
25	Văn phòng ấp Vườn Ươm	DSH	0,30		0,30	CLN	1 phần thửa 406 tờ 38	Tân Định	Ngân sách	Năm 2021	
26	Văn phòng ấp 1	DSH	0,75		0,75	CLN	Thửa đất số 824, 790, 791, tờ 33	Lạc An	Ngân sách	Năm 2021	
27	Nâng cấp bê tông xi măng đường Bình Mỹ 10, 27, 33	DGT	0,05		0,05	CLN	Công trình dạng tuyến	Bình Mỹ	Ngân sách	Năm 2021	
28	Nâng cấp bê tông xi măng đường Tân Định 52 – nhánh 1	DGT	1,13		1,13	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Năm 2021	
29	Nâng cấp sỏi đỏ đường Tân Định 64	DGT	0,54		0,54	CLN	Công trình dạng tuyến	Tân Định	Ngân sách	Năm 2021	
30	Tuyến đường dọc Sông Bé huyện Bắc Tân Uyên	DGT	25,3	0,63	24,67	CLN + Đất an ninh (diện tích 2,192ha)	Công trình dạng tuyến	Hiếu Liêm, Tân Định	Ngân sách	Năm 2021	
31	Nâng cấp, mở rộng sỏi đỏ đường Bình Mỹ 12	DGT	3,20		3,20	CLN	Công trình dạng tuyến	Bình Mỹ	Ngân sách	Năm 2021	
32	Trạm biến áp 110kV VSIP2-MR2 và đường dây đấu nối	DNL	0,40		0,40	CLN	thửa 4 tờ 45; thửa 112, 131, 202 tờ 46; thửa 37 tờ 55; thửa 8, 82, 83, 93 tờ 54; thửa 156, 155, 162 tờ 53; thửa 116, 76, 90, 58, 56, 61, 66 tờ 52; thửa 17 tờ 51; thửa 11 tờ 75; thửa 33, 34, 35 tờ 74	Bình Mỹ, Tân Lập	Doanh nghiệp	Năm 2020	
33	Trạm biến áp 110kV Cổng Xanh và đường dây đấu nối	DNL	0,40		0,40	CLN	thửa 130, 131, 132, 1pt 59, 70 tờ 39)	Tân Bình	Doanh nghiệp	Năm 2020	
34	Trạm cấp nước huyện Bắc Tân Uyên	SKC	2,05		2,05	CLN	Thửa đất số 04, tờ 30	Tân Thành	Doanh nghiệp	Năm 2021	

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường			
35	Trung Tâm VHTT - Học tập cộng đồng xã Bình Mỹ	DVH	2,15		2,15	CLN	Một phần thửa 174 tờ 53 (Tách thành thửa 230, 231)	Bình Mỹ	Ngân sách	Năm 2020	
36	Trường THPT Tân Bình	DGD	1,96		1,96	CLN	1 pt 14, 15 tờ 42	Tân Bình	Ngân sách	Năm 2021	
37	Mở rộng khu chế biến mỏ đá Thường Tân - Công ty cổ phần Đá Hoa Tân An	SKX	2,00		2,00	LUA	thửa: 591, 587, 586, 588, 589,590, 870,23, 22, 55, 54, tờ 31, 25; thửa: 52,49,48,135,131,134,406,282,281,280,431,279, 278,916 tờ 31	Thường Tân	Doanh nghiệp	Năm 2020	
A.2	**CÔNG TRÌNH CMĐ SỬ DỤNG ĐẤT LÚA**	**5**	**193,44**		**153,11**						
I	**Thị xã Tân Uyên**	**1**	**187,32**		**146,99**						
1	Dự án nạo vét, gia cố Suối Cái đoạn từ cầu Thợ Ụt đến sông Đồng Nai	DTL	187,32	40,33	146,99	LUA (81,33ha), SKK,ĐKV,CLN, SKC HNK, TIN, SON,NST,DTL, MNC,DGT,ODT, DYT,TMD,DSH, DVH	Công trình dạng tuyến	Phú Chánh, Vĩnh Tân, Tân Hiệp, Khánh Bình, Tân Vĩnh Hiệp, Tân Phước Khánh, Thái Hòa, Thạnh Phước	Ngân sách	Năm 2021	
II	**Huyện Bắc Tân Uyên**	**2**	**0,32**	**0,00**	**0,32**						
1	Khu khai thác đá xây dựng	SKX	0,29		0,29	LUA	các thửa đất thuộc tờ 30	Thường Tân	Doanh nghiệp	Năm 2021	
2	Khu khai thác đá của Công ty cổ phần Đá Hoa Tân An	SKX	0,03		0,03	LUA	thửa 976, tờ 25	Thường Tân	Doanh nghiệp	Năm 2020	
III	**Huyện Dầu Tiếng**	**1**	**5,20**		**5,20**						
1	Dự án Bến cảng thủy nội địa Phú Cường Thịnh	DGT	5,20		5,20	LUA	các thửa đất thuộc tờ tờ 26, 37	Thanh Tuyền	Doanh nghiệp	Năm 2020	
IV	**Thị xã Bến Cát**	**1**	**0,60**	**0,00**	**0,60**						
1	Khu dân cư cầu Đò	ONT	0,60		0,60	LUA	các thửa đất thuộc tờ 11, 16, 17	An Điền	Doanh nghiệp	2021	
B	**CÔNG TRÌNH QUÁ 3 NĂM (ĐỊA PHƯƠNG GIẢI TRÌNH ĐANG THỰC HIỆN)**	73	878,50	48,60	829,90						
B.1	**Công trình thu hồi đất**	**71**	**874,74**	**48,60**	**826,14**						
I	**Thành phố Thủ Dầu Một**	**4**	**46,80**	**13,00**	**33,80**						
1	Xây dựng công viên giao lộ CMT8-Ngô Quyền	DKV	0,50		0,50	TSC	thửa 411, 2032, 1080, 967, 1058; 975, 974, 973, 972, 1342, 174, 141, 1139, 144, 141, tờ 133, 131	Phú Cường	Ngân sách	Năm 2018	
2	Mở mới và thu hồi đất vùng phụ cận đường Đê bao dọc rạch Bà Cô	DGT	13,93		13,93	CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Chánh Mỹ	Ngân sách	Năm 2018	

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường			
3	Khu đô thị sinh thái Chánh Mỹ	ODT	14,03		14,03	HNK,CLN,ODT	Nằm xen kẽ trong dự án	Chánh Mỹ	Doanh nghiệp	Năm 2018	
4	Khu dân cư Phú Thuận	ODT	18,34	13,00	5,34	CLN	Các thửa đất thuộc tờ 04	Phú Lợi	Doanh nghiệp	Năm 2017	
II	**Thành phố Thuận An**	**15**	**59,17**	**8,66**	**50,51**						
1	Xây dựng mới tuyến đường An Thạnh 51 (đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Thạnh Bình)	DGT	0,99		0,99	CLN+ODT	Công trình dạng tuyến	Phường An Thạnh	Ngân sách	Năm 2019	
2	Xây dựng tuyến đường Lái Thiêu PKV09	DGT	0,37		0,37	CLN+ODT	Công trình dạng tuyến	Phường Lái Thiêu	Ngân sách	Năm 2019	
3	Xây dựng mới hệ thống thoát nước hạ lưu đường Lê Thị Trung	DGT	3,75		3,75	CLN+ODT	Công trình dạng tuyến	Phường Bình Chuẩn	Ngân sách	Năm 2019	
4	Cải tạo, nâng cấp đường Bùi Thị Xuân (đoạn từ đường Mỹ Phước- Tân Vạn đến ranh Thái Hòa - Tân Uyên	DGT	0,10		0,10	CLN+ODT	Công trình dạng tuyến	Phường An Phú	Ngân sách	Năm 2019	
5	Tuyến ống thoát nước thải và 5 trạm bơm trong hành lang an toàn Công trình Đường dây 220KV Tân Uyên - Thuận An	DTL	0,80		0,80	SKC+CLN	Đoạn từ Mỹ Phước - Tân Vạn đến đường ĐT743	Phường An Phú	Doanh nghiệp	Năm 2019	
6	Trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát	DTL	4,00		4,00	CLN	Từ cầu trắng đến rạch Bà Lụa	Phường An Thạnh	Ngân sách	Năm 2019	
7	Nâng cấp mở rông đường từ ngã tư Bình Chuẩn đến ngã ba giao với tuyến đường đài liệt sĩ Tân Phước Khánh	DGT	9,70		9,70	CLN	Công trình dạng tuyến	Phường Bình Chuẩn	Ngân sách	Năm 2019	
8	Bồi thường GPMB cho dự án Xây dựng mới đường D4, N4 (đường vào Trường tiểu học Thuận Giao 2)	DGT	1,33		1,33	CLN+ODT	thửa 411,2032,1080,967,972, 1342, 174,141,1139,144,141, tờ 131,133	Phường Thuận Giao	Ngân sách	Năm 2018	
9	Xây dựng mới đường Hưng Định 15	DGT	3,18		3,18	CLN+ODT	Công trình dạng tuyến	Hưng Định	Ngân sách	Năm 2018	
10	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 743 (Đoạn từ Miếu Ông Cù - nút giao thông Sóng Thần)	DGT	14,44	8,66	5,78	CLN+ODT +CQP	Diện tích bồi thường và hỗ trợ là 7,8ha (đất quốc phòng đưa vào thu hồi là 8,66ha (hiện trạng là đường)	An Phú, Bình Chuẩn, Bình Hoà	Ngân sách	Năm 2017	
11	Trường Tiểu học Lê Thị Trung	DGD	0,78		0,78	ODT+CLN	thửa 36, 1797, 297, 72, 1665, 1791, 73, 1529, 1530, 1860, 1720, 1721, 1796, 781, 37, 39, 235, 6, 7002, 238, 305, 1794, 3001, 491 tờ DC 152, 151, 10.13	Bình Chuẩn	Ngân sách	Năm 2017	

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường			
12	Đường PKV 21A (Đường vào Trung tâm VH-TDTT)	DGT	0,63		0,63	CLN	Công trình dạng tuyến	Lái Thiêu	Ngân sách	Năm 2017	
13	Đầu tư mở rộng tuyến đường ranh Lái Thiêu - Bình Nhâm (nối với đường ven sông Sài Gòn)	DGT	0,53		0,53	CLN	Công trình dạng tuyến	Lái Thiêu, Bình Nhâm	Ngân sách	Năm 2017	
14	Cải tạo, mở rộng quốc lộ 13 (đoạn từ cổng chào Vĩnh Phú đến điểm giao với đường Lê Hồng Phong và mở rộng các nút giao)	DGT	15,00		15,00	CLN	Công trình dạng tuyến	An Thạnh, Bình Hoà, Hưng Định, Lái Thiêu, Thuận Giao, Vĩnh Phú	Ngân sách	Năm 2017	
15	Xây dựng mới tuyến đường An Thạnh 63-64 (Đoạn từ Thủ Khoa Huân đến Hồ Văn Mên)	DGT	3,57		3,57	CLN	Công trình dạng tuyến	An Thạnh	Ngân sách	Năm 2017	
III	**Thành phố Dĩ An**	**10**	**41,24**	**1,83**	**39,41**						
1	Nâng cấp, mở rộng đường Tô Vĩnh Diện	DGT	1,79	1,07	0,72	HNK, CLN, ODT	các thửa đất thuộc tờ 8.ĐH.2; 8.ĐH.3; 8.ĐH.5	Đông Hòa	Ngân sách	Năm 2018	
2	Nâng cấp, mở rộng đường D5, D8 phường Bình An	DGT	1,35		1,35	HNK, CLN	2BA.6; 2BA.10; 2BA.11	Bình An	Ngân sách	Năm 2017	
3	Xây dựng đường từ Trần Hưng Đạo đi đường Võ Thị Sáu.	DGT	1,68		1,68	HNK, CLN	các thửa đất thuộc tờ 1DH.4; 3DH.2; 3DH.1; 3DH	Đông Hòa	Ngân sách	Năm 2017	
4	Đường trục chính Đông Tây - Đoạn từ Quốc lộ 1A (bến xe Miền Đông mới) đến giáp đường Quốc lộ 1K.	DGT	9,96		9,96	HNK, CLN, ODT	11.BT.3; 11.BT.2; 11.BT.1; 11.BT; 10.BT; 5.ĐH; 4. ĐH; 10.BA; 4.BA; 4.BA.13;4.BA.12	Đông Hoà, Bình An, Bình Thắng	Ngân sách	Năm 2017	
5	Đường kết nối KCN Tân Đông Hiệp B vào đường Mỹ Phước - Tân Vạn	DGT	0,39		0,39	HNK, CLN	tờ số 8TDH.A; 4TDH.B	Tân Đông Hiệp	Ngân sách	Năm 2017	
6	Nâng cấp, mở rộng ĐT 743 (đoạn từ Miếu Ông Cù - nút giao Sóng Thần)	DGT	11,21		11,21	CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Dĩ An, Tân Đông Hiệp	Ngân sách	Năm 2016	
7	Xây dựng đường Bắc Nam 3	UBND Tp. Dĩ An	3,93	0,68	3,25	HNK, CLN, ODT	4BA; 4BA.5; 2BA.12; 2BA.6	Bình An	Ngân sách	Năm 2016	
8	Nút giao thông cổng chính ĐHQG	DGT	0,31	0,08	0,23	SKC, ODT	6DH.6; 6DH.7	Đông Hòa	Ngân sách	Năm 2015	
9	Hệ thống thoát nước suối Lồ Ô	DTL	2,00		2,00	HNK, CLN	4.BA.2; 4.BA.3; 4.BA.8; 4.BA.9	Bình Thắng, Bình An	Ngân sách	Năm 2018	
10	Rạch Cái Cầu	DTL	8,62		8,62	HNK	Công trình dạng tuyến	Tân Đông Hiệp, Bình An	Ngân sách	Năm 2018	

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường			
IV	**Thị xã Tân Uyên**	**8**	**7,29**		**7,29**						
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 423 (đoạn từ ngã tư đường ĐH409 đến giáp đường ĐT 747A)	DGT	5,45		5,45	LUA, HNK, CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Tân Hiệp, Hội Nghĩa	Ngân sách	Năm 2017	
2	Nâng cấp bê tông nhựa đường giao thông nông thôn từ ĐT 742 nhà ông Luận (ấp 5) đến đường ĐH 409, phường Vĩnh Tân	DGT	0,02		0,02	LUA, HNK, CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Vĩnh Tân	Ngân sách	Năm 2018	
3	Dự án lối đi và khu vực chờ đưa đón học sinh trường THCS Tân Hiệp	DGT	0,20		0,20	HNK	Thửa 176, tờ 20	Tân Hiệp	Ngân sách	Năm 2019	
4	Công trình Trạm biến áp 110kV Khánh Bình 2 và ĐD 110kV Khánh Bình 2-Trạm 500kV Tân Uyên	DNL	0,50		0,50	LUA, HNK, CLN	Công trình dạng tuyến	Khánh Bình, Thạnh Phước	Doanh nghiệp	Năm 2018	
5	Công trình Đường dây 110kV VSIP2 MR1 - VSIP2 MR2.	DNL	0,30		0,30	LUA, HNK, CLN	Công trình dạng tuyến	Vĩnh Tân	Doanh nghiệp	Năm 2018	
6	Trạm 110kV Thạnh Phước và ĐD 110kV trạm 110kV Thạnh Phước - trạm 220kV Tân Uyên	DNL	0,54		0,54	LUA	Công trình dạng tuyến	Thạnh Phước	Doanh nghiệp	Năm 2019	
7	Mở rộng trường THPT Tân Phước Khánh	DGD	0,22		0,22	CLN, NTD	Thửa 7, tờ 34	Tân Phước Khánh	Ngân sách	Năm 2018	
8	Mở rộng trường mẫu giáo Hoa Hồng	DGD	0,06		0,06	CLN	Thửa 563, tờ 12	Thái Hòa	Ngân sách	Năm 2019	
V	**Thị xã Bến Cát**	**14**	**163,50**	**19,19**	**144,31**						
1	Công trình Trạm biến áp 110kV Mỹ Phước 4 và ĐD đấu nối	DNL	0,45		0,45	CLN	Công trình dạng tuyến	Thới Hòa	Doanh nghiệp	Năm 2019	
2	Đường dây 110kV đấu nối trạm 110kV Cheng Loong	DNL	0,14		0,14	CLN	Công trình dạng tuyến	An Tây, An Điền	Doanh nghiệp	Năm 2019	
3	Khai thông, uốn nắn dòng chảy đoạn hạ lưu rạch cầu Quan đến sông Thị Tính	DTL	2,95		2,95	CLN	Công trình dạng tuyến	Mỹ Phước	Ngân sách	Năm 2019	
4	Công trình Trạm biến áp 110kV Ascendas và đường dây 110kV An Tây - Ascendas.	DNL	0,50		0,50	CLN	Thuộc khu công nghiệp Protrade	An Điền, An Tây	Doanh nghiệp	Năm 2018	

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường			
5	Công trình Trạm biến áp 110kV Mỹ Phước 3 và ĐD đấu nối.	DNL	0,45		0,45	CLN	KCN Mỹ Phước 3	Thới Hòa	Doanh nghiệp	Năm 2018	
6	Dự án thoát nước và xử lý nước thải khu vực thị xã Bến Cát (KH2018: Quy hoạch khu XLNT 7ha)	DTL	15,00		15,00	CLN	tờ số 4, 5	Thới Hòa	Doanh nghiệp	Năm 2018	
7	Xây dựng Cầu Đò mới qua sông Thị Tính	DGT	3,55		3,55	CLN	Công trình dạng tuyến	Mỹ Phước,An Điền	Ngân sách	Năm 2019	
8	Nâng cấp, mở rộng đường từ Kho bạc Bến Cát đến Cầu Quan (Nâng cấp mở rộng Cầu Quan)	DGT	0,43		0,43	CLN,ODT	tờ số 21	Mỹ Phước	Ngân sách	Năm 2015	
9	Dự án bồi thường hỗ trợ và tái định cư đường Mỹ Phước Tân Vạn nối dài về hướng KCN Mỹ Phước 2, 3	ODT	20,00		20,00	CLN	Các thửa đất thuộc tờ 7, 18, 23, 27	Tân Định	Ngân sách	Năm 2016	
10	Dự án mở rộng Nghĩa trang công viên Bình Dương (Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa)	NTD	100,00		100,00	CLN	Các thửa đất thuộc tờ 28, 29, 34	Chánh Phú Hòa	Doanh nghiệp	Năm 2018	
11	Xây dựng công viên dọc bờ sông Thị Tính (đoạn qua chợ Bến Cát)	DKV	0,28		0,28	CLN	Công trình dạng tuyến	Mỹ Phước	Ngân sách	Năm 2019	
12	Dự án đường ven sông Thị Tính (đoạn từ ĐH 606 đến ranh dự án khu dân cư Cầu Đò) và khu công viên ven sông Thị Tính dọc theo khu dân cư Cầu Đò	DKV, DGT	4,50	4,05	0,45	CLN	Công trình dạng tuyến (thực hiện bồi thường quyền sử dụng đất)	An Điền	Ngân sách	Năm 2019	
13	Hệ thống thoát nước bên ngoài hàng rào các KCN An Tây, Mai Trung, Việt Hương 2	DTL	15,19	15,14	0,05	CLN	tờ số 29, 30, 31	An Điền, An Tây	Ngân sách	Năm 2015	
14	Văn phòng khu phố 1A - Chánh Phú Hòa	DSH	0,06		0,06	CLN		Chánh Phú Hòa	Xã hội hóa	Năm 2018	
VI	**Huyện Dầu Tiếng**	**3**	**1,32**	**0,00**	**1,32**						
1	Trạm Biến áp 110 kV An Lập và đường dây đấu nối	DNL	0,40		0,40	CLN	Công trình dạng tuyến	An Lập	Ngân sách	Năm 2019	
2	Mở rộng cổng di tích Rừng Lịch sử Kiến An	DDT	0,02		0,02	CLN	tờ số 35	An Lập	Ngân sách	Năm 2019	
3	Trạm biến áp 110kV Thanh An	DNL	0,40		0,40	CLN	Công trình dạng tuyến	Thanh An	Ngân sách	Năm 2019	
	Đường dây 110kV trạm 110kV Thanh An - Trạm 220kv Bến Cát		0,50		0,50	CLN	Công trình dạng tuyến	Thanh An, Thanh Tuyền, An Lập		Năm 2019	
VII	**Huyện Phú Giáo**	**1**	**397,37**	**0,00**	**397,37**						
1	Khu liên hiệp xử lý chất thải rắn	DRA	397,37		397,37	CLN, DGT	Các thửa đất thuộc tờ 31	Tân Long	Doanh nghiệp	Năm 2017	
VIII	**Huyện Bàu Bàng**	**11**	**73,63**	**5,92**	**67,71**						
1	Trường mầm non Tân Hưng	DGD	2,00		2,00	CLN	Thửa số 296, tờ 25	Tân Hưng	Ngân sách	Năm 2019	

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường			
2	Nâng cấp mở rộng đường ĐH 618	DGT	11,76	5,04	6,72	CLN	Công trình dạng tuyến	Lai Uyên, Tân Hưng	Ngân sách	Năm 2019	
3	Đường dây 220kV Chơn Thành - Bến Cát	DNL	1,25		1,25	ONT, CLN	Công trình dạng tuyến	Trừ Văn Thố, Lai Uyên, Lai Hưng	Doanh nghiệp	Năm 2019	
4	Trường Tiểu học Kim Đồng	DGD	1,60		1,60	CLN	tờ số 48	Lai Hưng	Ngân sách	Năm 2018	
5	Trường tiểu học Bàu Bàng	DGD	1,60		1,60	CLN	Thửa 989, tờ 56	Lai Uyên	Ngân sách	Năm 2018	
6	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Bàu Bàng	DVH	4,00		4,00	CLN	1 phần thửa 5905, tờ 42	Lai Uyên	Ngân sách	Năm 2018	
7	Nhà văn hóa và Hội trường ấp 3	DVH	0,32		0,32	DGD	thửa 59, tờ 13	Trừ Văn Thố	Ngân sách	Năm 2018	
8	Đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng (đoạn từ ĐT 750 đến KCN Bàu Bàng)	DGT	45,60		45,60	CLN, RDD, ODT	Công trình dạng tuyến	Lai Uyên	Ngân sách	Năm 2018	
9	Đường giao thông nông thôn ấp Hố Muôn	DGT	2,40	0,88	1,52	CLN	Công trình dạng tuyến	Long Nguyên	Ngân sách	Năm 2018	
10	Đường giao thông nông thôn ấp Long Thành	DGT	2,40		2,40	CLN	Công trình dạng tuyến	Long Nguyên	Ngân sách	Năm 2018	
11	Công trình trạm biến áp 110kV Bàu Bàng 2 và đường dây đấu nối	DNL	0,70		0,70	CLN	KCN và đô thị Bàu Bàng thuộc tổng công ty BECAMEX IDC	Lai Hưng, Lai Uyên	Doanh nghiệp	Năm 2018	
IX	**Huyện Bắc Tân Uyên**	**5**	84,42		84,42						
1	Dự án Giải phóng mặt bằng công trình Đường Thủ Biên - Đất Cuốc	DGT	79,60		79,60	CLN; LUA (20,8ha)	Tờ bản số 28, 27, 19, 9, 10, 34 xã Thường Tân; tờ 52, 61, 12, 51, 40, 8, 9, 10, 4, 62 xã Tân Mỹ	Thường Tân, Tân Mỹ	Ngân sách	Năm 2017	
2	Nâng cấp mở rộng đường ĐT747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa đến ngã ba Cổng Xanh (Nút giao đường ĐT742 và ĐT 747a) (đầu tư cải tạo nút giao thông tại giao lộ giữa đường ĐT.747, ĐT 742, đường Tân Bình 39 và Tân Bình 41)	DGT	2,50		2,50	CLN	tờ số 14, 18	Tân Bình	Ngân sách	Năm 2018	
3	Công trình Đường dây 110kV Phú Giáo – Trạm biến áp 220kV Uyên Hưng	DNL	0,15		0,15	CLN	Bình Mỹ, Tân Lập	Bình Mỹ (0,11), Tân Lập (0,04)	Doanh nghiệp	Năm 2018	
4	Bồi thường, hỗ trợ di dời các hộ dân thuộc khu vực có nguy cơ sạt lở ven sông Đồng Nai	DTL	1,47		1,47	CLN	Đoạn sông qua xã Tân Mỹ, Lạc An	Lạc An, Tân Mỹ	Ngân sách	Năm 2019	
5	Mở rộng Trung tâm y tế huyện	DYT	0,70		0,70	CLN	1 phần thửa 15 tờ 32	Tân Thành	Ngân sách	Năm 2019	

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn	Năm đăng ký kế hoạch	Tiến độ thực hiện
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường			
B.2	**CÔNG TRÌNH CMĐ SỬ DỤNG ĐẤT LÚA**	**2**	**3,76**	**0**	**3,76**						
I	**Thị xã Tân Uyên**	**2**	**3,76**		**3,76**						
1	Dự án sản xuất các loại sản phẩm về gỗ (Cty TNHH MTV Thương mại Gỗ Nhật Xương)	SKC	2,26		2,26	LUA	Thửa 347, 348, 413, 415, 108, 109, 111, 133, 134, 113, 279, 280, 281, 282, 283, 333, 334, 336, 338, 340, 341, 132, 196, 197, 110, tờ 47	Khánh Bình	Doanh nghiệp	Năm 2019	
2	Khu nhà ở Đại Khánh Bình (Cty TNHH Đại Khánh Bình)	ODT	1,50		1,50	LUA	Thửa 410, 411, 412, 413, 414, 433, 431, 432, 451, 452, 463, 484, 501, 434, 450, 464, 465, 466, 467, 468, 482, 483, 485, 502, 503, 449, một phần thửa 536, tờ 40	Khánh Bình	Doanh nghiệp	Năm 2019	
	TỔNG (A+B)	**313**	**1844,58**	**189,53**	**1635,48**						

Phụ lục III

DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN ĐANG THỰC HIỆN ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHUYỂN TIẾP CÓ ĐIỀU CHỈNH QUY MÔ DIỆN TÍCH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

STT	Hạng mục	Mã QH	Trước điều chỉnh				Sau điều chỉnh					Chênh lệch (ha)
			Diện tích thu hồi (ha)	Vị trí: Số tờ, số thửa	Phường, xã	Năm đăng ký kế hoạch	Hạng mục	Diện tích (ha)	Vị trí: số tờ, thửa	Xã, phường, thị trấn	Nguồn vốn	
I	**Thị xã Bến Cát**	**2**	**10,30**					**2,57**				**-7,73**
1	Lộ ra 110kV trạm 220kV Bến Cát 2	DNL	0,30	Công trình dạng tuyến	An Điền	2019	Lộ ra 110kV trạm 220kV Bến Cát 2	0,64	Công trình dạng tuyến	An Điền, Thới Hòa	Doanh nghiệp	0,34
2	Hệ thống thoát nước bên ngoài hàng rào các KCN An Tây, Mai Trung, Việt Hương 2	DTL	10,00	Tờ bản đồ số 30, 31	An Điền, An Tây	2021	Hệ thống thoát nước bên ngoài hàng rào các KCN An Tây, Mai Trung, Việt Hương 2	1,93	Công trình dạng tuyến	An Điền	Ngân sách	-8,07
II	**Huyện Dầu Tiếng**	**5**	**19,74**					**3,40**				**-16,34**
1	Nâng cấp mở rộng đường Lê Danh Cát - Đường Long	DGT	0,55	Công trình dạng tuyến	Thanh Tuyền	2020	Nâng cấp mở rộng đường Lê Danh Cát - Đường Long	0,21	Công trình dạng tuyến	Thanh Tuyền	Ngân sách	-0,34
2	Xây dựng đường vào Khu di tích lịch sử Sở chỉ huy tiền phương chiến dịch Hồ Chí Minh	DGT	3,52	Công trình dạng tuyến	Minh Tân	2020	Xây dựng đường vào Khu di tích lịch sử Sở chỉ huy tiền phương chiến dịch Hồ Chí Minh	0,04	Công trình dạng tuyến	Minh Tân	Ngân sách	-3,48
3	Nâng cấp, mở rộng đường ấp Lò Rèn xã Minh Thạnh (từ đường ĐT749 đến đường ĐH722)	DGT	2,65	Công trình dạng tuyến	Minh Thạnh	2020	Nâng cấp, mở rộng đường ấp Lò Rèn xã Minh Thạnh (từ đường ĐT749 đến đường ĐH722)	0,35	Công trình dạng tuyến	Minh Thạnh	Ngân sách	-2,30
4	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT750 (đoạn từ ngã tư Làng 5 đến trung tâm xã Định Hiệp)	DGT	4,02	Công trình dạng tuyến	Định Hiệp	2021	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT750 (đoạn từ ngã tư Làng 5 đến trung tâm xã Định Hiệp)	2,55	Công trình dạng tuyến	Định Hiệp	Ngân sách	-1,47
5	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH704 (đoạn từ xã Thanh An đến xã Định Hiệp – giai đoạn 2)	DGT	9,00	Công trình dạng tuyến	Thanh An và Định Hiệp	2021	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH704 (đoạn từ xã Thanh An đến xã Định Hiệp – giai đoạn 2)	0,25	Công trình dạng tuyến	Thanh An và Định Hiệp	Ngân sách	-8,75
III	**Huyện Bắc Tân Uyên**	**4**	**19,92**					**21,00**				**1,08**
1	TBA 110kV Tân Thành và đường dây 110kV Đất Cuốc - Tân Thành	DNL	0,86	Công trình dạng tuyến	Đất Cuốc, Tân Thành	2021	TBA 110kV Tân Thành và đường dây 110kV Đất Cuốc - Tân Thành	1,06	Công trình dạng tuyến	Đất Cuốc, Tân Thành, Tân Lập	Doanh nghiệp	0,20
2	Nâng cấp BTN đường Tân Thành 28	DGT	0,48	Công trình dạng tuyến	Tân Thành	2020	Nâng cấp BTN đường Tân Thành 28	0,64	Công trình dạng tuyến	Tân Thành	Ngân sách	0,16

3	Trạm biến áp 110kV Thường Tân và đường dây 110kV Uyên Hưng - Thường Tân	DNL	0,30	thửa đất số 278 đến thửa 288 tờ số 4; thửa đất số 256, 257, 258 tờ số 5; thửa đất số 656 đến thửa 665 tờ số 09	Tân Mỹ	2020	Trạm biến áp 110kV Thường Tân và đường dây 110kV Uyên Hưng - Thường Tân	0,60	thửa đất số 278 đến thửa 288 tờ số 4; thửa đất số 256, 257, 258 tờ số 5; thửa đất số 656 đến thửa 665 tờ số 09	Tân Mỹ	Doanh nghiệp	0,30
4	Đầu tư xây dựng đường và cầu Vàm Tư	DGT	18,28	Tờ 16, 17, 18 xã Bình Mỹ; tờ 40, 48 xã Tân Định	Tân Định, Bình Mỹ	2019	Đầu tư xây dựng đường và cầu Vàm Tư	18,70	tờ 6, 7 8, 9, 10 16, 17, 18 xã Bình Mỹ; tờ 6,7, 40,41 xã Tân Định	Tân Định, Bình Mỹ	Ngân sách	0,42
IV	**Huyện Phú Giáo**	**2**	**116,51**					**61,20**				**-55,31**
1	Trạm biến áp 110KV Tân Hiệp và đường dây đấu nối	DNL	0,40	Công trình dạng tuyến	Vĩnh Hòa, Tam Lập	2019	Trạm biến áp 110KV Tân Hiệp và đường dây đấu nối	1,20	Công trình dạng tuyến	Vĩnh Hòa, Tam Lập, Phước Vĩnh	Doanh nghiệp	0,80
2	Đường tạo lực Bàu Bàng - Phú Giáo - Bắc Tân Uyên	DGT	116,11	Công trình dạng tuyến	Vĩnh Hòa, Tam Lập, Tân Hiệp, Tân Long, Phước Vĩnh	2017	Đường tạo lực Bàu Bàng - Phú Giáo - Bắc Tân Uyên	60,00	Công trình dạng tuyến	Vĩnh Hòa, Tam Lập, Tân Hiệp, Tân Long, Phước Vĩnh, Phước Hòa, An Bình	Ngân sách	-56,11
	TỔNG	**13**	**166,47**					**88,17**				**-78,30**

Phụ lục IV

CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT ĐÃ THÔNG QUA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN (LOẠI BỎ)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)

STT	Hạng mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Tăng thêm		Địa điểm		Nguồn vốn
				Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	Vị trí: số tờ, thửa	Xã/phường	
A	**Công trình, dự án quá 03 năm**	**25**	**78,122**	**73,412**				
I	**Thành phố Thủ Dầu Một**	**3**	**3,99**	**3,99**				
1	Mở mới đường phân khu D13	DGT	1,61	1,61	CLN	Công trình dạng tuyến	Phú Mỹ	Ngân sách
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phường Định Hòa (khu 1)	ODT	1,75	1,75	HNK, CLN	tờ 30-2, 30-3	Định Hòa	Ngân sách
3	Cục Hải quan tỉnh Bình Dương	TSC	0,63	0,63	ODT	Thửa đất số 114 tờ 96	Hòa Phú	Ngân sách
II	**Thành phố Thuận An**	**5**	**3,52**	**3,52**				
1	Công trình trạm biến áp 110KV Bình Thuận và đường dây đấu nối	DNL	0,40	0,40	CLN	Công trình dạng tuyến	An Phú	Doanh nghiệp
2	Công trình Bồi thường GPMB cho dự án xây dựng mới công viên An Thạnh và kè rạch Búng	DKV	0,64	0,64	CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	An Thạnh	Ngân sách
3	Xây dựng mới đường D5 (đường Thuận Giao 10 nối dài)	DGT	0,93	0,93	CLN+ODT	Công trình dạng tuyến	Thuận Giao	Ngân sách
4	Khu tái định cư Đông Nhì	ODT	1,30	1,30	CLN		Lái Thiêu	Ngân sách
5	Công trình đường dây 110kV 2 mạch từ trạm biến áp 220kV Bình Hoà đến TBA 110kV Gò Đậu	DNL	0,25	0,25	CLN	Công trình dạng tuyến	Bình Hòa, Thuận Giao	Doanh nghiệp
III	**Thành phố Dĩ An**	**1**	**0,20**	**0,20**				
1	Nâng cấp, mở rộng đường tổ 6 KP Tây A	DGT	0,20	0,20	CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Đông Hòa	Ngân sách
IV	**Thị xã Tân Uyên**	**5**	**16,10**	**16,10**				
1	Giải phóng mặt bằng công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT747a (đoạn từ Thái Hòa đến Uyên Hưng)	DGT	15,00	15,00	LUA, HNK, CLN, ODT, SKC	Công trình dạng tuyến	Thái Hòa, Thạnh Phước, Khánh Bình, Uyên Hưng	Ngân sách
2	Cải tạo đường dây 110kV Uyên Hưng - Đất Cuốc (phát sinh thu hồi đất trụ móng)	DNL	0,01	0,01	CLN	Công trình dạng tuyến	Uyên Hưng	Doanh nghiệp

3	Trạm biến áp 110kV VSIP 2 - MR3 và đường dây đấu nối	DNL	0,40	0,40	LUA, HNK, CLN	Công trình dạng tuyến	Vĩnh Tân	Doanh nghiệp
4	Đường dây 110kV đấu nối trạm 220kV Tân Định 2	DNL	0,16	0,16	LUA, HNK, CLN	Công trình dạng tuyến	Vĩnh Tân	Doanh nghiệp
5	Trạm biến áp 110kV Bình Mỹ và đường dây đấu nối	DNL	0,53	0,53	LUA, HNK, CLN	Công trình dạng tuyến	Hội Nghĩa, Uyên Hưng	Doanh nghiệp
V	**Huyện Bàu Bàng**	**4**	**23,76**	**19,05**				
1	Nâng cấp mở rộng đường ĐH.610	DGT	15,65	10,94	CLN	Công trình dạng tuyến	Lai Hưng, Long Nguyên	Ngân sách
2	Trung tâm văn hóa thể thao (Liên đoàn lao động Tỉnh)	DVH	3,00	3,00	CLN	1 phần thửa 5905, tờ bản đồ 42	Lai Uyên	Ngân sách
3	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân xã Hưng Hòa	TSC	0,11	0,11	DYT	Thửa 69, tờ bản đồ 18	Hưng Hòa	Ngân sách
4	Trạm dừng nghỉ đường bộ loại II	TMD	5,00	5,00	CLN	Thửa đất số 2, 11 tờ bản đồ số 42	Lai Hưng	Doanh nghiệp
VI	**Thị xã Bến Cát**	**4**	**25,87**	**25,87**				
1	Công trình Đường dây 110kV từ TBA 220kV Bến Cát - Ascendas - An Tây	DNL	0,40	0,40	CLN	Công trình dạng tuyến	An Tây, An Điền	Doanh nghiệp
2	Đấu nối đường giao thông Cụm công nghiệp An Điền ra ĐT 748	DGT	1,72	1,72	CLN	Công trình dạng tuyến	An Điền	Doanh nghiệp
3	Đường trục Đông - Tây nối từ đường ĐT 744 vào khu Công nghiệp-Dịch vụ- Đô Thị Riverside	DGT	21,50	21,50	CLN	Công trình dạng tuyến	An Điền, An Tây	Doanh nghiệp
4	Đường dây 110kV đấu nối trạm 220kV Tân Định 2	DNL	2,25	2,25	CLN	Công trình dạng tuyến	Hòa Lợi, Chánh Phú Hòa	Doanh nghiệp
VII	**Huyện Bắc Tân Uyên**	**3**	**4,68**	**4,68**				
1	Bồi thường, hỗ trợ xây dựng Trường THCS Bình Mỹ	DGD	3,00	3,00	CLN	1 phần thửa đất số 177 tờ bản đồ số 52	Bình Mỹ	Ngân sách
2	Xây dựng cống hộp Suối Đá	DGT	1,45	1,45	CLN	Tân Định, Bình Mỹ	tờ 17 xã Bình Mỹ; tờ 48 xã Tân Định	Ngân sách
3	Xây dựng cống hộp Suối Đĩa	DGT	0,23	0,23	CLN	Tân Định, Tân Lập	tờ 27 xã Tân Định; tờ số 2 xã Tân Lập	Ngân sách
B	**Công trình, dự án chưa quá 03 năm không khả năng thực hiện**	**6**	**45,71**	**45,71**				
I	**Thị xã Tân Uyên**	**2**	**44,15**	**44,15**				
1	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng ĐT 742 Đoạn qua TP Thủ dầu Một và thị xã Tân Uyên	DGT	41,15	41,15	LUA, HNK, CLN, ODT	Công trình dạng tuyến	Phú Chánh, Vĩnh Tân	Ngân sách

2	Dự án khai thác khoáng sản (sét gạch ngói) Công ty TNHH Nguyễn Thái Hòa	SKX	3,00	3,00	LUA	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 5	Tân Hiệp	Doanh nghiệp
II	**Thị xã Bến Cát**	**2**	**0,55**	**0,55**				
1	Thay dây dẫn đường dây 110kV Tân Định - Gò Đậu (phát sinh thu hồi đất trụ móng)	DNL	0,05	0,05	CLN	Công trình dạng tuyến	Thới Hòa, Phú An	Doanh nghiệp
2	Trạm biến áp 110kV Mỹ Phước 2 và đường dây đấu nối.	DNL	0,50	0,50	CLN	Công trình dạng tuyến	Mỹ Phước	Doanh nghiệp
III	**Huyện Phú Giáo**	**1**	**0,83**	**0,83**				
1	Chợ Phước Hòa	DCH	0,83	0,83	CLN	Tờ bản đồ số 56	Phước Hòa	Ngân sách
IV	**Huyện Dầu Tiếng**	**1**	**0,18**	**0,18**				
1	Xây dựng hạ lưu các cống ngang đường ĐT 744 các đoạn: Km 24+864; Km24+442; Km23+350; Km27+662; K 30+949; Km28+870; Km27+079; Km26+107; Km25+042; Km22+263; Km22+534; Km23+106	DGT	0,18	0,18	CLN	Công trình dạng tuyến	Thanh Tuyền	Ngân sách
	Tổng (A+B)	**31**	**123,84**	**119,12**				